

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐẶNG THỊ QUÝ

**GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA, TỈNH HÀ TÂY
TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2008**

Chuyên ngành: LỊCH SỬ VIỆT NAM

Mã số : 60.22.03.13

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. DUY THỊ HẢI HƯỜNG

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn dẫn rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Đặng Thị Quý

LỜI CẢM ƠN

Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, em gửi lời cảm ơn đến **TS. Duy Thị Hải Hương** - người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn tới các thầy cô giáo trong khoa, cùng với các thầy cô giáo, các phòng, ban của Học viện Khoa học xã hội đã quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Luận văn không tránh khỏi những sai sót, vì vậy em rất mong sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để luận văn được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 7 năm 2016

Tác giả

Đặng Thị Quý

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA TRƯỚC NĂM 1991	11
1.1. Khái quát về huyện Ứng Hòa	11
1.2. Khái quát về giáo dục phổ thông của huyện Ứng Hòa trước năm 1991	15
CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2001	22
2.1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước và địa phương về xây dựng, phát triển giáo dục nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng.....	22
2.2. Huyện Ứng Hòa xây dựng và phát triển giáo dục phổ thông trong những năm 1991 – 2001	25
2.3. Một số kết quả đạt được và hạn chế.....	41
CHƯƠNG 3: TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2008	48
3.1. Những định hướng, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương về phát triển giáo dục phổ thông.....	48
3.2. Quá trình phát triển của giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa từ năm 2001 đến năm 2008	53
3.3. Một số thành tựu và hạn chế	69
KẾT LUẬN.....	76
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

STT	TÊN BẢNG, BIỂU	Trang
1	<i>Bảng 2.1: thống kê số lượng trường, lớp, học sinh từ năm 1991 đến năm 2001.</i>	28
2	<i>Bảng 2.2: số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp tiểu học từ năm 1991 đến năm 2001 huyện Ứng Hòa.</i>	29
3	<i>Bảng 2.3: số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông cơ sở học từ năm 1991 đến năm 2001 huyện Ứng Hòa.</i>	30
4	<i>Bảng 2.4: số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông trung học từ năm 1991 đến năm 2001 huyện Ứng Hòa</i>	31
5	<i>Bảng 2.5: số lượng giáo viên phổ thông từ năm 1990 đến năm 2001</i>	35
6	<i>Bảng 2.6 :Số lượng cán bộ quản lý trong các nhà trường phổ thông từ năm 1991 đến năm 2001.</i>	38
7	<i>Bảng 3.1: Thống kê số lượng trường lớp và số lượng học sinh từ năm 2001 đến năm 2008.</i>	54
8	<i>Bảng 3.2: số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông trung học từ năm 2001 đến năm 2008 huyện Ứng Hòa.</i>	55
9	<i>Bảng 3.3: số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông trung học từ năm 2001 đến năm 2008 huyện Ứng Hòa.</i>	57
10	<i>Bảng 3.4: số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông trung học từ năm 2001 đến năm 2008 huyện Ứng Hòa.</i>	58
11	<i>Biểu 2.1: số trường học từ năm 1991 đến năm 2000.</i>	42

12	<i>Biểu 2.2 :số lớp học từ năm 1991 đến năm 2000.</i>	42
13	<i>Biểu 2.3 :số học sinh từ năm 1991 đến năm 2000.</i>	43
14	<i>Biểu 3.1: Cơ cấu trình độ giáo viên phổ thông năm học 2007 -2008.</i>	61
15	<i>Biểu 3.2: Cơ cấu trình độ giáo viên ở cấp tiểu học năm học 2007 – 2008.</i>	61
16	<i>Biểu 3.3: Cơ cấu trình độ giáo viên ở cấp trung học cơ sở năm học 2007 – 2008.</i>	62
17	<i>Biểu 3.4: Cơ cấu trình độ giáo viên ở cấp trung học phổ thông năm học .</i>	62

DANH MỤC CÁC HÌNH

STT	TÊN HÌNH
1	Hình 1: Bản đồ hành chính huyện Ứng Hòa (tỉ lệ 1: 200.000)
2	Hình 2: Tham quan thực tế - học tập
3	Hình 3: Lễ khai giảng năm học trường trung học phổ thông Ứng Hòa B
4	Hình 4: Lễ bế giảng năm học trường trung học cơ sở Phương Tú
5	Hình 5: Hội diễn văn nghệ cán bộ viên chức chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20 – 11
6	Hình 6 : Cán bộ phòng giáo dục – đào tạo huyện Ứng Hòa
7	Hình 7: Lễ chào cờ đầu tuần trường phổ thông Ứng Hòa A
8	Hình 8: Thanh niên tình nguyện phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, khai hội tháng thanh niên

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giáo dục là một hiện tượng xã hội – lịch sử, nó ra đời cùng với sự xuất hiện của loài người và xã hội loài người do nhu cầu nhận thức, tổ chức cuộc sống và ý thức truyền lại tri thức cho thế hệ sau. Giáo dục và đào tạo có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của nhân loại. Mỗi khu vực, mỗi một quốc gia hay cộng đồng đều chỉ có thể phát triển đi lên nếu như họ xác định đúng vai trò của công tác giáo dục và đào tạo, triển khai hợp lý dựa trên các đặc điểm tự nhiên, văn hóa, xã hội và lịch sử của từng dân tộc, của con người nơi đó.

Ở Việt Nam, ngay từ thời kỳ phong kiến, các bậc minh quân đã xác định giáo dục có vai trò rất to lớn, quyết định đến hưng thịnh của triều đại và luôn xem giáo dục, đào tạo nhân tài là cơ sở quan trọng để tuyển chọn quan lại, bổ sung cho bộ máy chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương.

Kế thừa và phát huy truyền thống trọng giáo dục, trọng nhân tài của ông cha, ngay từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập năm 1945 cho đến nay, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, chăm lo công tác giáo dục, coi trọng sự đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”; luôn lấy quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm nền tảng:

“Vì lợi ích mười năm trồng cây

Vì lợi ích trăm năm trồng người”

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục phổ thông đóng vai trò “xương sống”, là ngành học quan trọng vì ngành học này có vai trò hình thành nhân cách thế hệ trẻ, trang bị những tri thức, kỹ năng phổ thông cơ bản về khoa học, văn hóa, nghệ thuật, hướng nghiệp để người học tiếp tục học lên các bậc học cao hơn hoặc học nghề, tham gia lao động sản xuất, thực hiện nghĩa vụ công dân. Giáo dục phổ thông còn đặt những cơ sở ban đầu rất trọng yếu cho

sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam, góp phần tạo ra những con ngoan, trò giỏi, những công dân tốt.

Ứng Hòa là một huyện nằm ở phía Nam của Hà Nội, phía Bắc giáp huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai, phía Nam giáp huyện Duy Tiên, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, phía Tây giáp huyện Mỹ Đức, phía Đông giáp huyện Phú Xuyên. Huyện Ứng Hòa là vùng đất có truyền thống văn hóa và giáo dục. Ứng Hòa thời xưa sử học xuất hiện từ rất sớm, trong lịch sử đất nước, Ứng Hòa xuất hiện nhiều nho sĩ, nhiều người đỗ đạt cao và được trọng dụng. Ví dụ như thời phong kiến có thám hoa Vũ Duy Chu ở Kim Đường, tiến sĩ Trần Hữu Hựu ở Đông Lỗ...

Năm 1986, đất nước tiến hành đổi mới, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Huyện ủy, giáo dục - đào tạo của huyện được đầu tư, phát triển, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Giáo dục phổ thông của huyện đã xây dựng được một hệ thống khá hoàn thiện với đầy đủ các cấp, hệ thống trường, lớp với cơ sở trường, lớp hiện đại, đội ngũ giáo viên có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân trong huyện, Giáo dục phổ thông của huyện đóng góp một phần đáng kể vào sự phát triển của ngành giáo dục tỉnh nhà. Do vậy, nghiên cứu quá trình phát triển và những đóng góp của giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa đối với ngành giáo dục của tỉnh trong giai đoạn 1991 - 2008 là rất cần thiết và có ý nghĩa.

Cho đến nay, mặc dù có rất nhiều công trình viết về giáo dục phổ thông nói chung, về giáo dục phổ thông của tỉnh Hà Tây nói riêng nhưng vẫn chưa có công trình nào viết về giáo dục phổ thông của huyện Ứng Hòa từ năm 1991 đến năm 2008.

Nghiên cứu đề tài này, tác giả luận văn cũng mong muốn thể hiện tấm lòng tri ân của người con địa phương đối với quê hương, nơi mình đã được sinh ra, lớn lên và trưởng thành.

Chính vì những lý do trên, tôi chọn vấn đề “*Giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây từ năm 1991 đến năm 2008*” làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Giáo dục đào tạo là một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu thuộc nhiều ngành khoa học quan tâm. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này từ những vấn đề lý luận đến thực tiễn trên những khía cạnh và ở các giai đoạn khác nhau. Trong đó có một số công trình tiêu biểu có thể sắp xếp vào các nhóm sau:

2.1. Những công trình nghiên cứu về giáo dục nói chung

Đó là các công trình nghiên cứu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các nhà quản lý giáo dục quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu trên nhiều góc độ khác nhau giúp cho tác giả luận văn có những nhận thức nền tảng cơ bản trong việc triển khai nghiên cứu đề tài như: cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng: “*Giáo dục đào tạo quốc sách hàng đầu, tương lai của dân tộc*”, Tổng Bí thư Đỗ Mười “*Phát triển mạnh mẽ giáo dục-đào tạo phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”; GS.VS Phạm Minh Hạc với các tác phẩm: “*Tổng kết 10 năm chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học 1990-2000*”; “*Góp phần đổi mới tư duy giáo dục*”; “*Sơ thảo giáo dục Việt Nam (1945-1992)*”; “*Giáo dục con người hôm nay và ngày mai*”, “*10 năm đổi mới giáo dục*”, “*Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển xã hội - kinh tế*”, “*Xã hội hóa công tác giáo dục*”, “*Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*”, “*Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI*”.

Trong đó tác giả ấn tượng với hai tác phẩm thứ nhất là: “*Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI*” của tác giả GS.Phạm Minh Hạc. Tác phẩm đã trình bày về tính chất của nền giáo dục, nguyên lý, nội dung, hệ thống giáo dục của nước ta qua các giai đoạn lịch sử từ giáo dục mần non đến giáo dục tiểu học. Phân tích mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển của nguồn lực,

các nguồn lực phát triển giáo dục và những suy nghĩ về phương hướng phát triển giáo dục trong giai đoạn tới. Tác giả đã khẳng định giá trị truyền thống hiếu học của nhân dân ta, nêu bật vai trò, thành tựu của nền giáo dục Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với giáo dục và đào tạo trước thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới.

Thứ hai là tác phẩm : “*Giáo dục đào tạo quốc sách hàng đầu, tương lai của dân tộc*” của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đề cập đến những vấn đề lý luận dạy học, đề cao việc dạy học, theo người giáo dục là sự nghiệp giáo dục và chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ta có tầm quan trọng hàng đầu, các cơ quan có thẩm quyền và mọi người, mọi tầng lớp nhân dân trong cả nước đều phải coi trọng như vậy và phải làm đúng như vậy. Nhấn mạnh vai trò và tác dụng vô cùng quan trọng của giáo dục đối với sự hưng thịnh của dân tộc, sự hưng thịnh về chính trị, về kinh tế, về văn hoá, về xã hội, về cuộc sống (cuộc sống vật chất, cuộc sống văn hoá, cuộc sống tinh thần...).

Cuốn “*Tổng kết giáo dục 10 năm (1975 - 1985)*” của Bộ Giáo dục do Nhà xuất bản Giáo dục ban hành năm 1986, đã tiến hành tổng kết công và những tác giáo dục 10 năm sau ngày giải phóng, những phân tích nhận xét của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn này, trong đó có đề cập đến tình hình ngành giáo dục phổ thông.

Bộ giáo dục và đào tạo “*Tổng kết đánh giá mười năm đổi mới giáo dục (1986-1996)*” đã tổng hợp báo cáo của các địa phương sau 10 năm tiến hành đổi mới giáo dục. Trong đó, thành tích giáo dục của các địa phương được trình bày cụ thể.

Bộ giáo dục và đào tạo “*Các định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo từ nay đến 2010*” nêu ra những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những tài liệu trên đã thể hiện những định hướng phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước trong 25 năm đổi

mới. Trong đó, tài liệu dành phần lớn chủ trương, đường lối để đưa giáo dục phổ thông phát triển ở mỗi giai đoạn cụ thể.

Cuốn *“Lịch sử giản lược hơn 1000 năm nền giáo dục Việt Nam”* là tác phẩm của tác giả Lê Văn Giảng do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội phát hành năm 2003, tác giả đã dành phần để trình bày về hoạt động nền giáo dục của nước Việt Nam thống nhất và chủ nghĩa xã hội (từ năm 1975 đến năm 2000). Tuy nhiên, tác giả cũng mới chỉ trình bày một cách khái quát nhất có thể của nền giáo dục Việt Nam nói chung, giáo dục phổ thông giai đoạn này được đề cập đến một cách sơ lược.

“Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp giáo dục phổ thông 1986-2000, là luận văn thạc sĩ lịch sử (năm 2007)” của tác giả Trương Thị Hoa thuộc Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội. Thông qua luận văn này, tác giả trình bày một cách công phu, hệ thống sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp 15 năm đổi mới giáo dục phổ thông. Qua đó, chúng ta có thể hình dung một cách rõ ràng về sự phát triển giáo dục phổ thông nước nhà trong thời gian này.

Cuốn *“Lịch sử giáo dục Việt Nam”* của tác giả Bùi Minh Hiền biên soạn được phát hành năm 2004, là một giáo trình dùng cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng sư phạm, cho nên tác giả viết một cách sơ lược về lịch sử giáo dục Việt Nam. Mặc dù không phải là quyển sách viết riêng về giáo dục phổ thông nhưng ta có thể chọn lọc ra những phần liên quan đến giáo dục phổ thông giai đoạn 1975 - 2000.

Cuốn *“Nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử”* của Nguyễn Đăng Tiến Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội xuất bản năm 2001. Thông qua việc trình bày tình hình, những đánh giá một cách tổng hợp về giáo dục phổ thông ở giai đoạn 1975 – 1995, chúng ta nắm khái quát sơ lược về giáo dục và nhà trường phổ thông Việt Nam giới hạn đến năm 1995.

2.2. Những công trình nghiên cứu về tỉnh Hà Tây, có đề cập đến giáo dục.

Những công trình nghiên cứu về giáo dục tỉnh Hà Tây bao gồm các công trình nghiên cứu về lịch sử và văn hóa Hà Tây có đề cập đến giáo dục.

Cuốn “*Lịch sử tỉnh Hà Tây 1930-2010*” của Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ Hà Tây do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2002 trình bày tổng quan địa lí, hình thái, đặc điểm dân cư và truyền thống văn hoá Hà Tây, về lịch sử Hà Tây trải qua các thời từ thời kháng chiến chống Pháp đến năm 1975, về Hà Tây 25 năm xây dựng và phát triển, trong đó có nêu đôi nét về giáo dục Hà Tây nói chung như truyền thống hiếu học của tỉnh, hệ thống các cấp học và những người thi đỗ cao.

Cuốn “*Lịch sử Đảng bộ huyện Ứng Hòa (1965-2005)*” của Ban thường vụ Huyện uỷ Ứng Hòa trình bày tổng quan địa lí, hình thái, đặc điểm dân cư và truyền thống văn hoá Ứng Hòa, trong đó có nêu đôi nét về giáo dục Ứng Hòa từ năm 1965 đến năm 2005 nói chung.

Cuốn “*Ứng Hòa 50 năm trưởng thành và phát triển (1965-2015)*” của Ban thường vụ Huyện uỷ Ứng Hòa. Gồm các bài viết tổng kết tình hình Kinh tế, văn hóa - xã hội. Trong đó có nêu đôi nét về sự chuyển biến của giáo dục và những thành tựu giáo dục trong 50 năm từ ngày thành lập huyện.

Cuốn “*Địa chí giáo dục tỉnh Hà Tây*” là cuốn sách viết về nền giáo dục tỉnh Hà Tây cũ từ thời phong kiến đến năm 2000. Gồm các giai đoạn phát triển giáo dục gắn liền với lịch sử của dân tộc, từ thời phong kiến, thời kỳ chống pháp, chống mỹ đến giai đoạn đổi mới. Mỗi giai đoạn thể hiện một chặng đường phát triển mới của nền giáo dục Hà Tây, gắn với nó là những thành tựu đạt được và những khó khăn của tỉnh ảnh hưởng tới sự phát triển giáo dục Hà Tây.

Những công trình là các tập san, kỉ yếu bài viết của Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Ứng Hòa giúp tác giả tìm hiểu được đôi nét về sự phát triển và thành tựu của một số trường phổ thông trên địa bàn huyện.

Tóm lại, những công trình nêu trên đã cho chúng ta thấy nhiều góc độ về giáo dục huyện Ứng Hòa. Tuy nhiên chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập một cách có hệ thống, toàn diện về quá trình phát triển giáo dục phổ thông của huyện Ứng Hòa từ năm 1991 đến năm 2008. Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên, tôi chọn vấn đề **“Giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây từ năm 1991 đến năm 2008”** làm đề tài nghiên cứu để góp phần làm sáng rõ những nội dung chủ yếu của giáo dục phổ thông ở huyện Ứng Hòa nhằm góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục của huyện nhà phát triển trong thời gian tới.

2.3. Những vấn đề luận văn kế thừa từ các công trình trước

Nhóm các công trình trên, đặc biệt là nhóm công trình nghiên cứu về tỉnh Hà Tây có đề cập đến giáo dục đã đề cập đến các nội dung như sau:

- Một là: Chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng phát triển giáo dục và giáo dục phổ thông nói riêng.
- Hai là: Khái quát về lịch sử giáo dục qua các thời kỳ lịch sử.
- Ba là: Về quy mô, cơ sở vật chất đầu tư xây dựng trường lớp và, chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên và học sinh.
- Bốn là: Đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới chương trình dạy và học, chất lượng giáo dục, năm là: Về công tác xã hội hóa giáo dục.

2.4. Những nội dung luận văn tiếp tục giải quyết

Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên, luận văn tiếp tục giải quyết những nội dung cơ bản sau:

Một là: Hệ thống những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, địa phương về xây dựng, phát triển giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng từ năm 1991 đến năm 2008.

Hai là: Trình bày hệ thống và tương đối toàn diện về quá trình xây dựng, phát triển giáo dục trên địa bàn huyện giai đoạn 1991 – 2008 cụ thể qua các cấp học: cấp tiểu học, phổ thông cơ sở và phổ thông trung học.

Bà là: Nêu bật những thành tựu đạt được cũng như hạn chế về giáo dục phổ thông của huyện, bước đầu rút ra kinh nghiệm và tìm ra giải pháp nhằm phát triển giáo dục địa phương trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài trình bày một cách tương đối toàn diện và chân thực về quá trình xây dựng, phát triển của giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây từ năm 1991 đến năm 2008.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát về giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa trước năm 1991.
- Trình bày chủ trương, đường lối phát triển giáo dục phổ thông của Đảng, Nhà nước và địa phương trong giai đoạn 1991-2008.
- Quá trình xây dựng phát triển giáo dục huyện Ứng Hòa cũng như thành tựu và hạn chế của giáo dục phổ thông của huyện Ứng Hòa qua hai giai đoạn 1991 – 2001 và 2001 - 2008.
- Nhận xét, đánh giá về quá trình phát triển của giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa từ năm 1991 đến năm 2008.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu Giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây từ năm 1991 đến năm 2008, cụ thể là ba cấp học: Tiểu học, phổ thông cơ sở và phổ thông trung học.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây gồm 29 đơn vị hành chính là thị trấn Vân Đình và 28 xã thuộc huyện: Cao Thành, Đại Cường, Đại Hùng, Đội Bình, Đông Lỗ, Đông Tiến, Đông Tân, Hoa Sơn, Hòa Lâm, Hòa Nam, Hòa Phú, Hòa Xá, Hồng Quang, Kim Đường, Liên Bạt, Lưu Hoàng, Minh Đức, Phù Lưu, Phương Tú,

Quảng Phú Cầu, Sơn Công, Tào Dương Văn, Trầm Lộng, Trung Tú, Trường Thịnh, Vạn Thái, Viên An, Viên Nội.

Phạm vi thời gian: Đề tài nghiên cứu từ năm 1991, là năm tỉnh Hà Tây được tái lập và kết thúc năm 2008, là năm tỉnh Hà Tây sáp nhập vào Hà Nội.

Phạm vi nội dung: Với đề tài này, tác giả tập trung nghiên cứu các vấn đề như sau:

- Một là: Chủ trương của Đảng, Nhà nước và địa phương về xây dựng, phát triển giáo dục nói chung và phổ thông nói riêng từ năm 1991 đến năm 2008.

- Hai là: Quá trình xây dựng, phát triển giáo dục huyện Ứng Hòa từ năm 1991 đến năm 2008 ở cấp tiểu học, phổ thông cơ sở và phổ thông trung học.

- Ba là: Nhận xét, đánh giá về giáo dục phổ thông của huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây trong giai đoạn 1991-2008.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận

Nghiên cứu đề tài này, tác giả luận văn dựa trên quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nói chung, giáo dục nói riêng, dựa trên quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giáo dục đào tạo, đặc biệt là quan điểm về phát triển nguồn lực con người trong bối cảnh quốc tế và đất nước đổi mới hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và phương pháp logic. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh, thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn

Luận văn góp phần làm rõ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển giáo dục nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng.

Luận văn cũng góp phần khẳng định vai trò, tầm quan trọng của giáo dục phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong công tác giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Từ việc tái hiện một cách sinh động và tương đối toàn diện về quá trình xây dựng, phát triển, đóng góp, hạn chế của giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cũ trong giai đoạn 1991-2008, luận văn góp phần vào lịch sử giáo dục nước nhà nói chung và giáo dục tỉnh Hà Tây nói riêng trong giai đoạn này.

Luận văn cũng là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị trong việc nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử giáo dục địa phương.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa trước năm 1991

Chương 2: Xây dựng và phát triển giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa từ năm 1991 đến năm 2001

Chương 3: Tiếp tục phát triển giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa từ năm 2001 đến năm 2008

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA TRƯỚC NĂM 1991

1.1. Khái quát về huyện Ứng Hòa

1.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Ứng Hòa là huyện đồng bằng nằm ở phía đông nam Thành phố Hà Nội, có diện tích tự nhiên là 183,72 Km². Là một huyện đồng chiêm chũng của Thành phố, phía Đông giáp huyện Phú Xuyên, phía Tây giáp huyện Mỹ Đức, phía Nam giáp tỉnh Hà Nam, phía Bắc giáp huyện Thanh Oai. Huyện Ứng Hòa gồm 29 đơn vị hành chính: 1 thị trấn và 28 xã. Dân số toàn huyện có khoảng 197.204 người.(theo Số liệu Phòng Thống Kê huyện Ứng Hòa ngày 18/01/2009) [54, tr.10].

Ứng Hoà là huyện nằm trong vùng sông Hồng, có điều kiện khí hậu đa dạng biến đổi theo thời gian trong năm, mang đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, được chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa đồng thời là mùa hạ nóng ẩm; mùa đông lạnh, chịu ảnh hưởng gió mùa đông bắc. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 23,5⁰C, độ ẩm trung bình trong năm là 84%, lượng mưa trung bình hàng năm là 1.760 mm, trong đó tập trung vào tháng 8 và tháng 9.

Ứng Hoà có nguồn nước rất phong phú, gồm có nguồn nước từ sông Đáy và sông Nhuệ. Tuy nhiên, hiện nay nguồn nước sông Nhuệ đang bị ô nhiễm nặng nề, tác động xấu đến sản xuất và đời sống của người dân ven sông. Hệ thống nước ngầm, mặc dù chưa có khảo sát, đánh giá cụ thể nhưng theo đánh giá sơ bộ cho thấy mực nước ngầm ở độ sâu khoảng 15-20 m, sau khi xử lý, chất lượng đảm bảo, có thể khai thác và sử dụng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Nhìn chung khí hậu của Ứng Hoà tương đối ôn hoà, đất đai màu mỡ thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp.

1.1.2. Về kinh tế, xã hội

Ứng Hòa có một thị trường thương mại- dịch vụ phát triển khá nhanh. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ năm sát nhập vào thủ đô Hà Nội trên địa bàn huyện đạt trên 1723 tỉ đồng, tốc độ tăng bình quân là 12,2%. Thị trường được mở rộng, hoạt động thương mại – dịch vụ phát triển đa dạng và phong phú với sự góp mặt của các thành phần kinh tế, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của khu vực thương mại tư nhân. Các hoạt động thương mại- dịch vụ của huyện đã từng bước cung ứng được vật tư sản xuất và hàng hàng hoá tiêu dùng đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế và tiêu dùng của huyện. Một số sản phẩm xuất khẩu của huyện đã bước đầu khẳng định được thương hiệu trên thị trường như tre đan, tăm hương. Hiện nay toàn huyện có 31 chợ, trong đó 6 chợ xây dựng kiên cố được công nhận đạt tiêu chuẩn của Bộ Công thương, trong đó có một chợ đầu mối trung tâm, một siêu thị.

Huyện Ứng Hòa đã đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống giao thông, phát triển mạng lưới điện, thông tin liên lạc, công trình thuỷ lợi theo hướng liên thông và kết nối với các huyện khác thuộc thành phố Hà Nội, tạo thành một hệ thống thông suốt để phục vụ phát triển kinh tế- xã hội và cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trong huyện. Các tuyến trục đường giao thông liên tỉnh kết nối huyện Ứng Hoà với bên ngoài được đầu tư nâng cấp, bước đầu tạo điều kiện giao lưu kinh tế thương mại thông suốt và thúc đẩy phát triển kinh tế của huyện. Thời gian qua, huyện đã xây dựng nâng cấp một số tuyến đường tỉnh lộ, liên huyện và đường giao thông liên xã, đường dân sinh thôn. Mạng lưới bưu chính viễn thông và thông tin liên lạc tiếp tục được mở rộng và hiện đại hoá.

Ứng Hòa có vị trí địa lí thuận lợi, đất đai màu mỡ là nền tảng để Ứng Hòa sớm hình thành nền nông nghiệp lúa nước và du nhập nhiều nghề thủ công truyền thống nổi tiếng. Hiện nay, 9 làng nghề trong huyện đã được công nhận.

Sự gắn kết giữa nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã làm cho làng nghề Ứng Hòa luôn nhộn nhịp, sôi động. Người dân nơi đây vốn cần cù sáng tạo trong lao động sản xuất, luôn anh dũng kiên cường trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, vươn lên xây dựng quê hương giàu đẹp. Song so với yêu cầu phát triển, nhất là trong điều kiện Hà Tây sáp nhập với Hà Nội thì còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của huyện.

1.1.3. Về văn hóa – giáo dục

Hà Tây được biết đến là vùng đất địa linh, nhân kiệt trong đó không thể không nhắc đến những con người ưu tú Ứng Hòa. Dưới thời phong kiến, Ứng Hòa cũng đã sản sinh ra nhiều nhân tài thành đạt trên con đường khoa cử và có tiếng trong cả nước như thám hoa Nguyễn Tuấn Ngạn khoa đố Diên thành thứ 6 (1583), tiến sĩ Đặng Dụng Chu thuộc thôn Động Phí khoa đố cảnh hưng thứ 27 (1766)...sự nghiệp giáo dục lúc này gắn liền với sự phát triển chung của nho giáo. Do hoàn cảnh lịch sử của đất nước lúc này còn gặp nhiều khó khăn, nên truyền thống hiếu học của Hà Tây nói chung và Ứng Hòa nói riêng chưa được phổ biến rộng rãi.

Dưới triều Nguyễn, trong khoảng 100 năm, triều Nguyễn đã tổ chức nhiều kỳ thi Hội, mỗi kỳ thi diễn ra thì Ứng Hòa cũng có nhiều sĩ tử tham gia và số người lấy đỗ thường trên 20 người, như năm 1819 có cử nhân Nguyễn Huy Cầu thôn Liên Bạt, năm đinh mùi (1847) có cử nhân Nguyễn Phiên ở Bạt Trung với niên hiệu Thiệu Trị, năm Tân Dậu (1861) cử nhân Lưu Tiến Điền thôn Hòa Xá với niên hiệu Tự Đức... tiêu biểu có tiến sĩ Nguyễn Bá Ký, người vị đỗ cử nhân và tú tài [55, tr. 551].

Khi người Pháp đề ra chủ trương thay đổi việc học hành, khoa cử trên đất nước Đông Dương, thì đầu thế kỷ XX trên đất Hà Tây đã có một số trường học được xây dựng, trong thời kỳ trong toàn huyện có 75 người có bằng sơ học yếu lược (tương đương lớp 4 hiện nay), 21 người có bằng Secstipphica và 7 người có bằng Diplôm [55, tr. 558].

Sau năm 1919 các kỳ thi chữ Hán không còn nữa, thời Pháp thuộc và thời kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954), Hà Tây cũng như Ứng Hòa chưa có trường cấp 3 nào được xây dựng, cuộc sống của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng không phải vậy mà nhân dân nhứt trí học hành, nhiều người đã vào tận Huế, Vinh, Hà Nội để dự thi một tầng lớp tri thức tân học mới xuất hiện thay cho các bậc túc nho thời xưa.

Từ năm 1945 đến năm 1991, sự nghiệp giáo dục của huyện Ứng Hòa dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức xã hội cùng với sự phấn đấu bền bỉ của đội ngũ giáo viên, cán bộ, học sinh các thế hệ đã đóng góp xây dựng trường lớp và không ngừng vươn lên đạt thành tích xuất sắc. Bằng những tài năng, nghị lực của mình, những con người của quê hương đã tiếp nối truyền thống để làm rạng rỡ tên tuổi quê hương Ứng Hòa mà các thế hệ tiền nhân dày công gây dựng tiêu biểu là Trần Đăng Ninh, Nguyễn Thượng Hiền, Ngô Bảo Châu, Ngô Huy Cận, Đỗ Quang Trung...

Ứng Hòa còn là miền đất của các di tích lịch sử - văn hóa. Với mật độ 1 di tích/ 1km², đến nay, toàn huyện có 115 di tích đình, chùa, quán, nhà thờ, văn chỉ, trong đó trên 50 di tích đã được Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch xếp hạng, Sở Văn hóa Thông tin và Du lịch Hà Tây (cũ) công nhận di tích được bảo vệ.

Vốn là huyện gần trung tâm văn hóa lớn Hà Nội nên đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân vô cùng phong phú, đa dạng nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp còn được lưu truyền và bảo tồn đến ngày nay. Các giá trị văn hóa cổ truyền được bảo tồn như: nghệ thuật rối nước; múa công chiêng, hát chèo,... Hiện nay, huyện đang xây dựng và triển khai thực hiện đề án khôi phục rối nước; duy trì hoạt động của các câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ hát dân ca từng bước nâng cao đời sống tinh thần, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân trong huyện.

Như vậy có thể thấy, Ứng Hòa trong nhiều thế kỷ qua, thời nào cũng có bậc hiền nhân làm vẻ vang cho quê hương đất nước. Họ là những người tài cao, đức trọng, nhiều người trong số họ khi đã mất đã được cư dân các làng, xã suy tôn thành thần thánh và lập đền, miếu thờ phụng, những bậc danh nhân được cộng đồng thờ vinh không ai là không phải trải qua những ngày tháng được học tập, tôi luyện trong ghế nhà trường trong thực tiễn cuộc sống trên mảnh đất Ứng Hòa thân thương.

1.2. Khái quát về giáo dục phổ thông của huyện Ứng Hòa trước năm 1991

1.2.1. Giai đoạn 1975-1985

Năm 1975, đất nước thống nhất. Sau ngày đất nước thống nhất, Ứng Hòa nhanh chóng bắt tay vào khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục. Cơ sở vật chất cho giáo dục thời gian này như trường, lớp, bàn, ghế, các trang thiết bị dạy học... đều đã xuống cấp, đội ngũ giáo viên còn thiếu. Nhiều nơi học sinh phải học ba ca và giáo viên phải dạy chéo các lớp.

Năm 1979, Bộ Giáo dục ban hành chương trình cải cách giáo dục nhằm thống nhất hệ thống giáo dục phổ thông trong cả nước. Nội dung cải cách giáo dục năm 1979 tập trung vào ba nội dung là cải cách cơ cấu hệ thống giáo dục, cải cách nội dung giáo dục và cải cách phương pháp giáo dục.

Theo cải cách giáo dục năm 1979, hệ thống giáo dục mới là một hệ thống hoàn chỉnh gồm các cấp học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục bổ túc văn hóa. Giáo dục phổ thông là 12 năm (thay cho hệ thống giáo dục phổ thông 10 năm trước đây) qua 2 bậc:

- Bậc phổ thông cơ sở 9 năm được chia thành 2 cấp: cấp 1 (từ lớp 1 đến lớp 5), cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 9).

- Bậc phổ thông trung học từ lớp 10 đến lớp 12.

Ngày 24 tháng 3 năm 1981, Bộ Giáo dục ban hành Quyết định số 305-QĐ ban hành *Quy chế thi tốt nghiệp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học*. Đặc biệt ngày 27 tháng 3 năm 1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định

số 135-CP về hệ thống giáo dục phổ thông mới. Hệ thống giáo dục phổ thông trong cả nước là *hệ thống trường phổ thông 12 năm*, được chia làm 2 bậc: bậc phổ thông cơ sở và bậc phổ thông trung học (như đã nêu trên). Tiếp đến, Bộ Giáo dục đã ban hành Chỉ thị số 949-CP hướng dẫn thống nhất tên gọi trường, lớp phổ thông trong cả nước bắt đầu từ năm học 1981-1982. Để thống nhất hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm trong cả nước, Bộ Giáo dục đã chọn và hướng dẫn xây dựng 110 trường trọng điểm (tương đương mỗi tỉnh, thành phố có từ 2 đến 3 trường) để thực hiện thí điểm.

Triển khai chủ trương cải cách giáo dục, thống nhất hệ thống giáo dục phổ thông của Đảng, Nhà nước, ngay trong năm học 1979-1980, ngành giáo dục tỉnh Hà Tây và huyện Ứng Hòa đã khẩn trương thành lập Hội đồng giáo dục, tiến hành hợp nhất các trường cấp 1, trường cấp 2 thành trường phổ thông cơ sở, trường cấp 3 đổi thành phổ thông trung học. Tuy nhiên công tác thành lập Hội đồng giáo dục còn gặp nhiều khó khăn do vấn đề kinh tế và thực trạng xã hội còn nhiều bất cập.

Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", huyện và các xã đã đầu tư kinh phí để xây dựng mới nhiều trường lớp, cải tạo cơ sở vật chất, sửa sang phòng học, mua sắm bàn ghế, trang bị thêm đồ dùng, phương tiện dạy học cho các trường. Tuy nhiên, tiến độ còn chậm, mãi đến những năm 1990 – 1991 thì nhiều trường cấp 1, cấp 2 được đầu tư xây dựng mới, đảm bảo nhu cầu học tập cho con em, như trường cấp 2 các xã Viên An, Hòa Nam, Kim Đường, Quảng Phú Cầu... Các trường đều đã có thư viện, tiêu biểu là thư viện nhà trường ở xã Hòa Nam với 5.000 bản sách giáo khoa. Hệ thống trường lớp không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Cơ sở vật chất trường lớp được xây dựng lại ngày càng khang trang, đẹp đẽ.

Quy mô trường, lớp ở các trường học phổ thông và số học sinh các lớp tiếp tục được cải thiện. Năm 1981, toàn huyện có 30 trường phổ thông cơ sở với 894 lớp học và 34.269 học sinh; 3 trường phổ thông trung học với 74 lớp

học và 3.838 học sinh. Đến năm 1985, toàn huyện có 31 trường phổ thông cơ sở với 846 lớp học và 33.148 học sinh [55, tr. 568].

Để phục vụ nhu cầu học tập của con em trong huyện, xã Hoa Sơn được chọn làm địa điểm đặt xây dựng trường cấp 3 của huyện. Năm 1984, huyện đã có 3 trường phổ thông trung học với 61 lớp học, 3.382 học sinh. Từ năm 1985, trường cấp 3 chuyển từ Ba Thá về Hoa Sơn, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc học tập của con em 9 xã phía bắc của huyện.

Trong thời gian này, đời sống của giáo viên gặp rất nhiều khó khăn, tất cả chỉ dựa vào đồng lương ít ỏi và một số nhu yếu phẩm do Nhà nước phân phối. Trên địa bàn huyện Ứng Hòa, mặc dù không có giáo viên nào bỏ dạy như nhiều địa phương khác, nhưng hầu hết ngoài giờ lên lớp, các giáo viên đều phải đi làm thêm việc khác để tăng thu nhập. Nhằm cải thiện một phần đời sống của giáo viên, chính quyền và hợp tác xã ở một số xã đã tạo điều kiện vật chất cho các thầy cô giáo, cấp cho mỗi thầy cô giáo một mảnh ruộng để cấy lúa, đồng thời mua sắm dụng cụ học tập, đồ chơi cho khối mầm non.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội như thu nhập bình quân đầu người còn thấp, các quỹ xã hội chưa phát triển, và trình độ dân trí chưa cao, nhưng được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các thế hệ thầy và trò trong các nhà trường nên chất lượng dạy và học đã được cải thiện về kết quả.

Hầu hết các trường, đặc biệt là các trường tiểu học và phổ thông cơ sở đều có đội tuyển các môn văn, toán dự thi học sinh giỏi cấp huyện và tỉnh. Hằng năm, các trường đều có thí sinh tham gia đội tuyển thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh đạt kết quả cao. Trường cấp 2 thị trấn Vân Đình là nơi có tỷ lệ học sinh giỏi được xếp vào loại cao nhất huyện. Trường cũng là đơn vị trọng điểm về trí dục của huyện. Mỗi năm, huyện Ứng Hòa có hàng trăm em thi đỗ đại học.

Nhìn chung, trong giai đoạn 1981 - 1985, tuy có nhiều khó khăn, nhưng

sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở Ứng Hòa vẫn được duy trì ổn định. Như vậy, 10 năm sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất đến trước thời kỳ đổi mới, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do tác động chung của tình hình kinh tế - xã hội, nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền, sự nghiệp giáo dục của Ứng Hòa vẫn có bước chuyển biến tích cực.

1.2.2. Giai đoạn 1986 -1991

Năm 1986, Đại hội Đảng toàn quốc khai mạc lần thứ VI mở đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Sự nghiệp giáo dục của nước ta cũng bước vào một giai đoạn phát triển mới.

Trong giai đoạn đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, giáo dục của huyện Ứng Hòa gặp nhiều khó khăn và có bước thăng trầm. Hiện tượng học sinh bỏ học, học sinh cấp 2 không học tiếp tục học lên cấp 3 xuất hiện ngày càng nhiều. Năm học 1989 - 1990 là năm học có số học sinh bỏ học và số lớp học giảm nhiều nhất với 500 học sinh phổ thông cơ sở bỏ học.

Trước tình hình trên, huyện đã tập trung khắc phục tình trạng tự do bỏ học, chỉ đạo tập trung thực hiện bằng được xóa nạn mù chữ và phổ cập cấp 1. Nhiệm vụ xóa nạn mù chữ lúc này không chỉ là của riêng ngành giáo dục - đào tạo mà là nhiệm vụ của tất cả các cấp chính quyền, các đoàn thể, lực lượng xã hội và nhân dân Ứng Hòa nhằm thực hiện quyết tâm trong năm tới "không còn nạn mù chữ".

Ngành giáo dục Ứng Hòa đã tăng cường hoạt động chống mù chữ, bao gồm chương trình xóa mù chữ và chương trình sau mù chữ (tương đương bổ túc tiểu học). Việc xóa nạn mù chữ được thực hiện triệt để. Học sinh trong độ tuổi chưa đi học thì đến lớp học, học sinh bỏ học dở dang được vận động trở lại lớp. Các đối tượng trong độ tuổi chưa đủ trình độ xóa mù chữ thì học các lớp bổ túc văn hóa. Những người đi học xóa mù được cấp giấy bút, những em có hoàn cảnh khó khăn được hợp tác xã trợ cấp và thưởng công điền.

Nhờ sự cố gắng của các cấp chính quyền và của toàn ngành giáo dục,

hiện tượng học sinh bỏ học của huyện đã được khắc phục. Đến năm 1992, Ứng Hòa được công nhận là huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngành giáo dục huyện Ứng Hòa được xếp thứ ba trong toàn tỉnh về các thành tích với nhiều điển hình tiên tiến như: thị trấn Vân Đình, xã Liên Bạt, xã Tân Phương, xã Phương Tú [54, tr. 158].

Từ kết quả này, giáo dục Ứng Hòa tập trung đa dạng hóa các loại hình trường lớp; xây dựng mô hình giáo dục mới: trường chuẩn quốc gia, trường bán trú...

Ngành học bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì. Từ năm 1991, trường vừa học vừa làm chuyển thành trường bổ túc văn hóa. Trường có 11 giáo viên, hằng năm đào tạo từ 70 - 90 học sinh [55, tr.571]. Hoạt động của nhà trường luôn gắn liền với thực tiễn sản xuất, nâng cao kỹ thuật thực hành cho học sinh. Loại hình trường lớp bổ túc văn hóa không những đã giải quyết được nhu cầu học tập của học sinh không thi đỗ vào phổ thông trung học, nhưng cán bộ trong xã không có điều kiện đi học tập trung, mà còn góp phần tích cực vào phong trào xóa mù chữ, chống tái mù chữ trong nhân dân. Từ năm 1991 toàn huyện có hơn 200 người thoát mù. Nhờ hình thức giáo dục bổ túc văn hóa phát triển mà hàng trăm người đã học hết chương trình phổ thông trung học, nhiều em thi đậu vào Cao đẳng, Đại học.

Từ năm học 1990 - 1991, các trường phổ thông cơ sở được tách ra thành trường tiểu học và trung học cơ sở.

Mặc dù đội ngũ giáo viên còn thiếu, nhưng các nhà trường đã cố gắng khắc phục khó khăn để dạy tốt và học tốt. Để tạo điều kiện cho giáo viên yên tâm công tác, xã Quảng Phú Cầu có hình thức giúp đỡ giáo viên cải thiện đời sống trong khi đồng lương còn eo hẹp, năm 1991, mỗi giáo viên được mượn 0,5 sào ruộng cấy, trồng thêm lương thực. Đặc biệt, xã Tảo Dương Văn đã tổ chức lớp học tình thương cho 24 học sinh là những đối tượng bị tật nguyền

hoặc gia đình gặp khó khăn. Mặc dù gặp khó khăn do đối tượng học sinh chênh lệch về độ tuổi, kiến thức, trong khi đó đội ngũ giáo viên chưa được tập huấn... nhưng lớp học vẫn được duy trì. Sau một năm học, các em đều đủ điều kiện phổ cập cấp 1.

Hội đồng giáo dục cũng được thành lập, đã kịp thời đề xuất với các cấp chính quyền và tham gia giải quyết nhiều công việc liên quan đến sự nghiệp giáo dục của địa phương; tổ chức các buổi họp mặt, khuyến khích và trao phần thưởng cho học sinh giỏi.

Nhờ hoạt động tích cực của Hội đồng giáo dục, Hội Khuyến học, các tổ chức xã hội và của các dòng họ nên nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tạo điều kiện và giúp đỡ trong học tập. Có em đã vươn lên học khá, giỏi.

Nhiều trường tiểu học và trường phổ thông trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trong nhiều năm liền đều đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến cấp huyện và trường tiên tiến của tỉnh. Trường Tiểu học xã Phương Tú được công nhận là trường tiên tiến cấp tỉnh; Trường Trung học cơ sở của xã đạt tiêu chuẩn trường tiên tiến cấp ngành giáo dục.

Tiểu kết

Ứng Hòa với địa hình đặc thù là đồng bằng, điều kiện tự nhiên chứa đựng nhiều yếu tố thuận lợi như lượng mưa lớn, nhiệt độ trung bình năm tương đối ổn định... đã tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của dân cư nơi đây. Tuy vậy hằng năm Ứng Hòa vẫn chịu tác động của mưa rét và nắng nóng và mùa hạ là yếu tố xấu của tự nhiên ảnh hưởng tới sinh hoạt và các hoạt động kinh tế - xã hội của Ứng Hòa. Tuy nhiên với nguồn tài nguyên có sẵn, với sự cần cù lao động, sản xuất đã hình thành lên con người Ứng Hòa bền bỉ, chịu thương chịu khó vượt qua mọi khó khăn thử thách để xây dựng quê hương đất nước ngày càng phát triển đi lên. Cũng trong điều kiện đó đã hun đúc lên truyền thống hiếu học của bao thế hệ trẻ con em Ứng Hòa.

Sau khi tái thành lập tỉnh Hà Tây năm 1991, giáo dục Ứng Hòa đã có những bước phát triển mạnh mẽ, quy mô trường lớp ngày càng được mở rộng, các cấp học, lớp học được phân bố ngày càng hợp lý trên địa bàn toàn huyện. Tuy nhiên do nền kinh tế và xã hội của huyện còn nhiều yếu kém, nền cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu thốn, đầu tư cho giáo dục còn nghèo nàn. Các cấp Ủy Đảng và chính quyền cùng ngành giáo dục huyện mặc dù đã có sự phối kết hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo trên lĩnh vực giáo dục nhưng trên thực tế còn thiếu đồng bộ và chưa có sự quan tâm, đầu tư đúng mức nên kết quả giáo dục chưa đạt được kết quả như mong muốn. Chất lượng giáo dục chưa được nâng cao, các hoạt động của giáo dục chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ.

Về cơ bản, giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa cho đến năm 1991 còn tồn tại nhiều hạn chế một phần là do ảnh hưởng của nền kinh tế huyện còn kém phát triển, thực trạng giáo dục trong giai đoạn này đã có những chuyển biến tích cực nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của toàn con em trong cả huyện. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng, đây cũng là nền tảng, là cơ sở tạo đà cho sự phát triển ở giai đoạn sau.

CHƯƠNG 2

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2001

2.1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước và địa phương về xây dựng, phát triển giáo dục nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng

Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII diễn ra từ ngày 24 đến ngày 27 tháng 6 năm 1991. Trên cơ sở đánh giá thực trạng giáo dục của đất nước trước năm 1991 Đảng đề ra mục tiêu cho ngành giáo dục giai đoạn 1991 – 1995 là: *“Nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ đào tạo có tri thức và năng lực thực hành, năng động, sáng tạo, đạo đức cách mạng... nhiệm vụ tiếp tục đổi mới, ổn định phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và loại hình trường lớp, từng bước hình thành những trường bán công, Dân lập, Tư thục. Phát triển loại hình trường vừa lớp học vừa làm. củng cố ổn định trường lớp hiện có ở giáo dục mầm non, phát triển cấp 1, cấp 2, cấp 3”* [13, tr.81 – 82].

Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 4 (6/1991) đã bàn chuyên đề về vấn đề giáo dục, văn hóa, y tế, thanh niên và lần đầu tiên có nghị quyết riêng về Giáo dục – Đào tạo, xác định những quan điểm chủ đạo, những chủ trương chính sách và biện pháp lớn để tiếp tục đổi mới sự nghiệp trồng người.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (14/1/1993) đã đáp ứng lòng mong mỏi của xã hội bởi đã không những chỉ ra những giải pháp cấp bách để xử lý những vấn đề nóng bỏng trên lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo mà còn định hướng lâu dài cho việc phát triển sự nghiệp này, đặc biệt đã nêu rõ tư tưởng hết sức quan trọng: đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển.

Hội nghị lần thứ 4 ban chấp hành Trung ương khóa VII (14/1/1993), nền giáo dục nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Mạng lưới trường học phát triển rộng khắp; ngăn chặn được sự giảm sút về quy mô và có bước tăng trưởng

khá; chất lượng giáo dục – đào tạo bước đầu có tiến bộ về các môn khoa học tự nhiên và kỹ thuật... Tuy nhiên giáo dục đào tạo nước ta còn nhiều yếu kém cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng, hiệu quả chưa đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao về nhân lực.

Để tiếp tục khẳng định và hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng, Đại hội VIII (6/6/1996) của Đảng có nhiệm vụ tổng kết 10 năm đổi mới, đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của Đảng và toàn dân trong thời kỳ mới của thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội khẳng định vai trò của giáo dục và đào tạo là: “Cùng với khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Coi trọng cả 3 mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả” [15, tr.490 – 491]. Quán triệt nghị quyết của Đại hội VIII, ngày 24 - 12- 1996 , Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương đã họp và bàn về vấn đề giáo dục, đào tạo và khoa học và công nghệ. Hội nghị đã đưa ra nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển Giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Tại Đại hội này, nghị quyết Trung ương khẳng định: phải thực sự coi Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nhân tố cho sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; sự nghiệp giáo dục đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, Nhà nước và của toàn nhân dân; phát triển giáo dục và đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội; thực hiện công bằng trong giáo dục và đào tạo;... Nhiệm vụ và mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo từ nay cho đến năm 2000 nhằm “*chấn chỉnh công tác quản lý, khẩn trương lập lại trật tự, kỷ cương, kiên quyết đẩy lùi tiêu cực, sắp xếp và củng cố hệ thống giáo dục – đào tạo và mạng lưới trường lớp; nâng cao hiệu quả giáo dục – đào tạo; phát triển quy mô giáo dục – đào tạo; chuẩn bị tiền đề cho những bước phát triển mạnh vào đầu thế kỷ XXI*” [2, tr.32].

Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII 24/12/1996 đề ra những giải pháp mạnh mẽ, những việc làm cụ thể để phát triển giáo dục tốt hơn và vì thế nó được triển khai nhanh chóng, sâu rộng. Nghị quyết đã làm chuyển biến mạnh

mẽ nhận định của nhiều cấp uỷ Đảng về vai trò của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nghị quyết Trung ương 2, giáo dục – đào tạo đã phát triển mạnh mẽ. Tháng 12 năm 1998, Quốc hội khóa X đã thông qua luật giáo dục. Một lần nữa giáo dục và đào tạo được xem là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Nhà nước và toàn dân: “*Ngân sách giáo dục trong tổng ngân sách Nhà nước từ khoảng 10,8% năm 1995 đã nâng lên 13,5% năm 1998; 14,2% năm 1999* [16, tr.460].

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng, năm 1991, tỉnh Hà Tây đã tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ứng Hòa lần thứ XV và ban hành Nghị quyết Đại hội trong đó đã đề ra mục tiêu tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, sắp xếp lại các trường học trên địa bàn theo tinh thần đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo, hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học [54, tr.97], chủ trương mở các lớp xóa nạn mù chữ cho con em các địa phương trong huyện, đặc biệt là các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn như Nguyễn Xá, Ngọc Động, Phí Trạch...

Năm 1991 Đại hội Đảng lần thứ XVI đã tổng kết đánh giá tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV trên các lĩnh vực, đồng thời trong đó có nêu ra biện pháp cho giai đoạn tới, trong đó nhấn mạnh về giáo dục, tiếp tục nâng cao dân trí, đổi mới giáo dục - đào tạo nhằm nâng cao kiến thức toàn diện cho học sinh, nâng cao chất lượng dạy và học, mở rộng hệ thống trường lớp đến các xã, thôn.

Tháng 7/1998 huyện uỷ Ứng Hòa trên cơ sở đánh giá thực trạng những mặt đã đạt được cũng như những tồn tại, yếu kém của giáo dục và đào tạo. Huyện nhà đề ra trương trình hành động đã nêu rõ mục tiêu cần đạt được trong giáo dục từ năm 1998 đến năm 2000 và định hướng chiến lược đến năm 2010, chương trình hành động đã đưa ra nhiều giải pháp thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ, trong đó nổi bật là các giải pháp tăng cường các nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục – đào tạo, có chính sách ưu tiên, coi việc đầu tư cho

giáo dục thực sự là đầu tư cho phát triển: đẩy mạnh công cuộc xã hội hóa giáo dục: quy hoạch mạng lưới trường lớp, các ngành học, cấp học và tăng cường cơ sở vật chất trường , lớp theo hướng chuẩn hóa.

Như vậy, từ năm 1991 đến năm 2001, với việc quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục, Đảng bộ, chính quyền và ngành giáo dục huyện Ứng Hòa cũng đã đề ra những chủ trương, chương trình hành động cụ thể nhằm thúc đẩy giáo dục phổ thông nói riêng và giáo dục – đào tạo nói chung phát triển.

2.2. Huyện Ứng Hòa xây dựng và phát triển giáo dục phổ thông trong những năm 1991 – 2001

Trong giai đoạn đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, giáo dục của huyện Ứng Hòa gặp nhiều khó khăn và có bước thăng trầm. Hiện tượng học sinh bỏ học, học sinh cấp 2 không học tiếp tục học lên cấp 3 xuất hiện ngày càng nhiều. Năm học 1989 - 1990 là năm học có số học sinh bỏ học và số lớp học giảm nhiều nhất với 500 học sinh phổ thông cơ sở bỏ học [55, tr. 571].

Trước tình hình trên, huyện đã tập trung khắc phục tình trạng tự do bỏ học. Huyện đã chỉ đạo tập trung thực hiện bằng được xóa nạn mù chữ và phổ cập cấp 1. Nhiệm vụ xóa nạn mù chữ lúc này không chỉ là của riêng ngành giáo dục - đào tạo mà là nhiệm vụ của tất cả các cấp chính quyền, các đoàn thể, lực lượng xã hội và nhân dân Ứng Hòa nhằm thực hiện quyết tâm "không còn nạn mù chữ".

Thực hiện mục tiêu trên, từ những năm 90, sự nghiệp giáo dục - đào tạo của Ứng Hòa có bước chuyển biến tích cực, được phát triển mạnh ở tất cả các cấp học. Đối với giáo dục phổ thông, công tác xóa mù chữ và phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở được quan tâm chỉ đạo, bước đầu đạt kết quả tốt. Ban chỉ đạo xóa mù chữ của huyện được thành lập.

Nhờ sự cố gắng của các cấp chính quyền và của toàn ngành giáo dục, hiện tượng học sinh bỏ học của huyện đã được khắc phục. Toàn huyện đã xóa được xã trắng về nhà trẻ, mẫu giáo. Đến năm 1992, Ứng Hòa được công nhận

là huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [55, tr. 570]. Ngành giáo dục huyện Ứng Hòa được xếp thứ ba trong toàn tỉnh về các thành tích với nhiều điển hình tiên tiến như: thị trấn Vân Đình, xã Liên Bạt, xã Tân Phương, xã Phương Tú.

Ngành học bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì. Từ năm 1991, trường vừa học vừa làm chuyển thành trường bổ túc văn hóa. Trường có 11 giáo viên, hằng năm đào tạo từ 70 - 90 học sinh [55, tr. 571]. Hoạt động của nhà trường luôn gắn liền với thực tiễn sản xuất, nâng cao kỹ thuật thực hành cho học sinh. Loại hình trường lớp bổ túc văn hóa không những đã giải quyết được nhu cầu học tập của học sinh không thi đỗ vào phổ thông trung học, nhưng cán bộ trong xã không có điều kiện đi học tập trung, mà còn góp phần tích cực vào phong trào xóa mù chữ, chống tái mù chữ trong nhân dân. Từ năm 1991 đến năm 1995, toàn huyện có hơn 200 người thoát mù. Nhờ hình thức giáo dục bổ túc văn hóa phát triển mà hàng trăm người đã học hết chương trình phổ thông trung học, nhiều em thi đậu vào Cao đẳng, Đại học.

Từ năm học 1990 - 1991, các trường phổ thông cơ sở được tách ra thành trường tiểu học và trung học cơ sở [55, tr. 571].

Năm 1993, Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII), công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh. Nhiều trường học đã được xây dựng và đầu tư trang thiết bị, đầu tư mua sắm bàn ghế, đồ dùng học tập, phục vụ công tác dạy và học. Toàn huyện có 7 trường phổ thông cấp 1 và cấp 2 được xây dựng 2 tầng kiên cố. Trường Phổ thông trung học Ứng Hòa B gồm 2 tầng được xây dựng và hoàn thành, đồng thời thành lập thêm một trường phổ thông trung học ở xã Đại Cường. Để tạo điều kiện nâng cao chất lượng dạy và học, 50% số trường trong huyện được đầu tư mua sắm đồ dùng giảng dạy đúng với quy định [55, tr. 571].

Phong trào thi đua "Hai tốt" được duy trì thường xuyên. Các nhà trường không ngừng đổi mới nội dung và phương pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Đáng chú ý là mỗi năm ở xã Hoa Sơn, trường cấp 1 và cấp 2 đều có

những sáng kiến cấp tỉnh, cấp huyện được ứng dụng trong quy trình dạy học và phổ biến đến các trường bạn. Đội ngũ giáo viên thường xuyên được nâng cao trình độ. Đã có hàng chục thầy cô giáo đạt giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và cấp ngành. Chất lượng giáo dục của các trường tiểu học và trung học cơ sở được giữ vững. Số học sinh trường tiểu học lên lớp đạt 100%. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp, chuyển cấp đạt 99%, trên 70% học sinh tốt nghiệp cấp 2 thi đỗ và theo học cấp 3.

Hội đồng giáo dục cũng được thành lập, đã kịp thời đề xuất với các cấp chính quyền và tham gia giải quyết nhiều công việc liên quan đến sự nghiệp giáo dục của địa phương; tổ chức các buổi họp mặt, khuyến khích và trao phần thưởng cho học sinh giỏi.

Nhờ hoạt động tích cực của Hội đồng giáo dục, Hội Khuyến học, các tổ chức xã hội và của các dòng họ nên nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tạo điều kiện và giúp đỡ trong học tập. Có em đã vươn lên học khá, giỏi. Nhiều trường tiểu học và trường phổ thông trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trong nhiều năm liền đều đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến cấp huyện và trường tiên tiến của tỉnh. Năm học 1994 - 1995, Trường Tiểu học xã Phương Tú được công nhận là trường tiên tiến cấp tỉnh; Trường Trung học cơ sở của xã đạt tiêu chuẩn trường tiên tiến cấp ngành giáo dục.

Mô hình trường, lớp bán công xuất hiện. Năm học 1996 - 1997, Trường Phổ thông bán công Ứng Hòa A được thành lập. Chất lượng giáo dục không ngừng nâng lên. Năm học 1998 - 1999, số học sinh tăng 3% so với năm học 1997 - 1998. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp ở cả ba cấp đều đạt hơn 90%. Số học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở thi đỗ vào trường phổ thông trung học đạt tỷ lệ cao. Năm học nào cũng có học sinh giỏi và giáo viên giỏi cấp huyện: năm 1996, có 37 học sinh đạt danh hiệu giỏi cấp huyện; năm học 1998 - 1999, ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, toàn huyện có 71 em đạt học sinh giỏi cấp tỉnh, trong đó có 1 em đạt giải nhất và 1 em đạt giải ba quốc gia. Năm 2000, có 153 em đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp huyện. Đội tuyển thi học sinh giỏi của

huyện luôn xếp thứ hạng cao [55, tr. 573].

Giai đoạn 1996 - 2000, có hàng nghìn học sinh đổ vào các trường Đại học và Cao đẳng. Năm 1999, có 220 học sinh đổ vào các trường đại học. Công tác phổ cập trung học cơ sở đạt kết quả tiến bộ. Đến năm 1999, Ứng Hòa có 27/30 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập phổ thông trung học cơ sở. Trường Trung học cơ sở xã Hòa Lâm được công nhận đi đầu trong việc hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trong toàn huyện. Đến năm 2000, các xã Quảng Phú Cầu, Đại Hùng... hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, tiểu học và xóa nạn mù chữ, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trường chuẩn quốc gia [55, tr. 573].

Bảng 2.1: Thống kê số lượng trường, lớp, học sinh từ năm 1991 đến năm 2001

Năm học	Số trường	Số lớp	Số học sinh
1991 - 1992	49	607	18180
1992 - 1993	50	607	18590
1993 - 1994	50	640	19450
1994 - 1995	52	682	20520
1995 - 199	53	735	22500
199 - 1997	60	761	22700
1997 - 1998	63	766	25045
1998 - 1999	63	838	26235
1999 - 2000	63	868	2722
2000 - 2001	66	934	29680

(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Như vậy có thể thấy, quy mô giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa đã có sự thay đổi theo hướng tích cực, thể hiện cụ thể qua các cấp học.

2.2.1. Tiểu Học

Tập trung chỉ đạo việc đổi mới phương pháp dạy học, đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học, hệ thống sách giáo khoa chuẩn cấp tiểu học

bao gồm các môn: Toán, Tiếng Việt, Khoa Học, Lịch Sử và Địa Lý, Âm Nhạc, Mỹ Thuật, Đạo Đức, Kỹ Thuật, Thể Dục, Tiếng Anh.

Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp tiểu học từ năm 1991 đến năm 2000 được thể hiện dưới bảng số liệu sau:

Bảng 2.2: Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp tiểu học từ năm 1991 đến năm 2000 huyện Ứng Hòa.

	Số trường học	Số lớp học	Số học sinh
1991	20	300	8100
1992	20	300	8200
1993	20	304	8800
1994	27	330	9500
1995	27	335	10500
1996	29	350	11200
1997	29	350	12000
1998	29	400	12230
1999	29	420	12900
2000	29	425	13230
2001	30	485	13670

(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Qua bảng số liệu ta thấy: Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp tiểu học từ năm 1991 đến năm 2001 huyện Ứng Hòa đều tăng, cụ thể trong vòng 10 năm học thì số lượng trường học tăng 9 trường, số lượng lớp học tăng 125 lớp, học sinh tăng 5570 em. Như vậy nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của toàn huyện về phát triển giáo dục, đáp ứng yêu cầu về mục tiêu giáo dục – đào tạo của Đảng, nhà nước, ngành giáo dục huyện Ứng Hòa đã có bước tiến đầu tiên về số lượng trường học, lớp học. Giáo dục Ứng Hòa bước đầu thực hiện tốt mục

tiêu chung của giáo dục huyện nhà và mục tiêu phát triển giáo dục cả nước.

2.2.2. Phổ thông cơ sở

Đối với cấp phổ thông cơ sở, phòng Giáo dục và Đào tạo tích cực chỉ đạo các trường trong huyện có các biện pháp tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện đổi mới phương pháp theo tinh thần số 350/1999/CT – BGD&ĐT “mỗi giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thực hiện một đổi mới phương pháp dạy học và quản lý. Mỗi trường có một kế hoạch cụ thể về đổi mới phương pháp dạy và học”.

Hệ thống sách giáo khoa chuẩn của cấp phổ thông cơ sở bao gồm: Ngữ Văn, Toán, Lịch Sử, Địa Lý, Giáo Dục Công Dân, Âm Nhạc, Vật Lý, Sinh Học, Công Nghệ, Tiếng Anh, Thể Dục.

Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông cơ sở từ năm 1991 đến năm 2001 được thể hiện dưới bảng số liệu sau:

Bảng 2.3: Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông cơ sở học từ năm 1991 đến năm 2001 huyện Ứng Hòa.

	Số trường học	Số lớp học	Số học sinh
1991	24	210	6200
1992	24	210	6500
1993	24	240	6850
1994	24	250	7000
1995	26	280	7200
1996	26	286	7500
1997	28	290	8000
1998	28	310	8800
1999	28	320	9200
2000	30	309	10750
2001	30	306	10650

(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Qua bảng số liệu ta thấy: số lượng trường học tăng từ 24 trường năm 1991 lên 30 trường năm 2001. Số lớp học tăng nhẹ năm 1991 có 210 lớp học, đến năm 2001 tăng lên 306 tăng 96 lớp và số lượng học sinh trong 10 năm tăng 4450 học sinh.

2.2.3. Phổ thông trung học

Toàn huyện Ứng Hòa gồm có 6 trường phổ thông trung học đó là trường Trung học phổ thông Ứng Hòa A được xây dựng vào năm 1960, trường phổ thông Ứng Hòa B xây dựng năm 1967, trường phổ thông Trần Đăng Ninh xây dựng năm 1973, trường phổ thông Lưu Hoàng xây dựng năm 1984, trường phổ thông Đại Cường xây dựng năm 1986 và trường phổ thông dân lập Nguyễn Thượng Hiền được xây dựng năm 1991.

Hệ thống sách giáo khoa chuẩn của cấp phổ thông trung học bao gồm 12 môn cơ bản và một bộ môn nghề phổ thông: Toán, Vật Lý, Hóa Học. Sinh Học, Tin Học, Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa Lý, Ngoại Ngữ, Giáo Dục Công Dân, Công Nghệ, Thể Dục và Nghề phổ thông.

Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông cơ sở từ năm 1991 đến năm 2000 được thể hiện dưới bảng số liệu sau:

Bảng 2.4: Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông trung học từ năm 1991 đến năm 2001 huyện Ứng Hòa.

	Số trường	Số lớp học	Số lượng học sinh
1991	5	97	3880
1992	6	97	3890
1993	6	96	3800
1994	6	102	4020
1995	6	120	4800
1996	6	125	5000

1997	6	126	5045
1998	6	128	5127
1999	6	128	5162
2000	6	131	5250
2001	6	134	5360

(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Qua bảng số liệu ta thấy: quy mô trường học cấp phổ thông trung học được giữ ở mức ổn định là 6 trường, quy mô số lượng lớp và học sinh thì tăng liên tục cụ thể trong vòng 10 năm số lớp tăng lên 37 lớp học và 1480 em học sinh, điều đó thể hiện công tác phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở đang diễn ra rất tốt, cùng với đó là tỉ lệ tốt nghiệp cấp trung học cơ sở đạt tỉ lệ cao, công tác xã hội hóa giáo dục được chú trọng.

2.2.4. Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa sau thời gian tái lập huyện (12/8/1991) gặp rất nhiều khó khăn, trong đó cơ sở vật chất trường học vô cùng thiếu thốn, xuống cấp trầm trọng, trang thiết bị nghèo nàn, không đảm bảo cho duy trì học tập tốt.

Từ năm 1991, với việc thực hiện nghị quyết Đại hội VII (1991) tiếp theo đó là nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Ứng Hòa lần thứ XV (4/1991), đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 của Đảng nhằm chống xuống cấp trường học Nhà nước, khai thác triệt để các nguồn lực ngoài ngân sách, ngành giáo dục huyện Ứng Hòa đã tham mưu cho Ủy ban Nhân dân các cấp rà soát lại toàn bộ cơ sở vật chất trường học trong hệ thống giáo dục phổ thông toàn huyện. Một mặt duy trì, ổn định số cơ sở vật chất trường học hiện có, đồng thời phát động thêm các phong trào thiết thực trong giáo dục cần phải làm ngay như “đầu tư cho trường học”. Mặt khác, ra sức kêu gọi nhân dân các địa phương chung sức ra chung xây dựng mới, bổ sung vào mua sắm các trang thiết bị, cơ

sở vật chất cho các trường. Với những việc làm thiết thực trên đã mang lại những hiệu quả tích cực. Từ năm học 1993-1994, tình trạng cơ sở vật chất trường học đã được cải thiện rõ rệt cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên nhìn chung trường học ở huyện hầu như toàn trường cấp bốn, các trang thiết bị dạy học còn thiếu thốn, nhiều trường học không có thư viện.

Năm học 1995 – 1997, phong trào xây dựng trường học kiên cố được phát triển mạnh mẽ, trường trung học phổ thông Ứng Hòa đã xây dựng và đưa vào sử dụng 5 tòa nhà cấp 4 và nhà tầng kiên cố, ở cấp tiểu học và trung học cơ sở đã xây dựng các tòa nhà cấp 4 như trường tiểu học phương tú được xây dựng lại kiên cố và ổn định hơn, trường trung học cơ sở phương tú, trường trung học phổ thông có trường trung học phổ thông Ứng Hòa A được xây dựng vào năm 1996 và đi vào hoạt động vào năm 1997, trường bảo tàng văn hóa Nguyễn Thượng Hiền được tu sửa khang trang hơn. Các trường còn lại đã được tu sửa hằng năm, nhưng nhìn chung chất lượng còn chưa cao.

Trong những năm học 1997 – 1998, phòng giáo dục tiếp tục tham mưu với Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân để đưa ra những chủ trương, biện pháp tạo điều kiện huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng đủ trường học đảm bảo học sinh học 2 ca. Thực hiện phương châm “*Nhà nước và Nhân dân cùng làm*”, trong những năm huy động đội ngũ công nhân xây dựng và tu sửa trường học, bàn ghế... trong năm học này, toàn huyện đã xây dựng thêm và tu sửa nhiều ngôi trường và đưa vào hoạt động phục vụ sự nghiệp giáo dục của huyện như trường trung học cơ sở Viên An, trung học cơ sở Thị Trấn, trung học cơ sở Hòa Nam.... Việc tu sửa và thay thế các phòng học tạm thời ngày càng đáp ứng quy mô trường, lớp. Ngành giáo dục và đào tạo Ứng Hòa còn chỉ đạo việc sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí, dành 10% kinh phí hoạt động thường xuyên để mua sắm các trang thiết bị dạy học, xây dựng nhiều thư viện đạt thư viện tiên tiến [21, tr.8].

Từ năm 1998 đến năm 2000, với sự tham mưu tích cực của lãnh đạo

ngành đã kịp thời vận dụng nhiều nguồn vốn, đặc biệt là các nguồn vốn từ các trung tâm xây dựng trường học. Trong những năm học này đã xây dựng và đưa vào hoạt động trên 50 phòng học từ cấp 4 trở lên, mua sắm bàn ghế với tổng kinh phí trên 3,5 tỉ đồng [25, tr.7 - 8]. Nhiều đơn vị đã huy động nguồn vốn tại chỗ để tu sửa và làm thêm phòng học, bàn ghế phục vụ trực tiếp cho công tác dạy và học.

Như vậy có thể thấy, trong 10 năm đầu sau tái lập huyện Ứng Hòa, từ chỗ có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học còn nhiều hạn chế, đến năm 2000 tình trạng về cơ sở vật chất đã có những bước phát triển nhất định. Toàn huyện có 17 trường học kiên cố, trong đó có 8 trường tiểu học, trường trung học cơ sở và 3 trường trung học phổ thông với tổng số phòng học 208 phòng học kiên cố và đưa vào sử dụng. Các trường bước đầu xây dựng thêm các phòng học thí nghiệm, phòng truyền thông internet tuy nhiên còn nhiều hạn chế. Công tác mua sắm thiết bị dạy học cũng được đẩy mạnh với việc đầu tư bảng đen, bảng từ, các dụng cụ thí nghiệm, đồ dùng dạy học...

Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu dạy và học trong từng thời kỳ, đặc biệt là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2.5. *Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý*

*- **Đội ngũ giáo viên***

Trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đội ngũ giáo viên đóng vai trò vô cùng quan trọng, bởi vì họ là những người trực tiếp làm công tác giảng dạy, truyền đạt những tri thức cho các thế hệ tương lai. Ở nước ta, trong suốt cuộc đấu tranh trường kỳ dựng nước và giữ nước, nhân dân ta, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tôn vinh nghề dạy học và vị trí cao quý của người Thầy. Đội ngũ giáo viên đã không quản khó khăn gian khổ, vượt qua mọi thiếu thốn mà có mặt trên hầu khắp cả nước, cống hiến toàn bộ tài năng cho sự nghiệp “*trồng người*”, góp phần xây dựng sự nghiệp chung của của nước.

Từ những năm 1990 đến năm 2000, đội ngũ giáo viên phổ thông huyện Ứng Hòa luôn là lực lượng nòng cốt, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục huyện nhà. Đội ngũ giáo viên phổ thông không chỉ phát triển cả về số lượng và cả chất lượng trên cả 3 cấp học.

Trong những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, nhìn chung đội ngũ giáo viên phổ thông huyện Ứng Hòa còn nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng dạy học nhất là các xã Viên An, Viên Nội, nhiều trường còn thiếu giáo viên trầm trọng, các giáo viên trong độ tuổi nghỉ hưu vẫn phải tiếp tục làm việc theo chế độ hợp đồng. Năm học 1990 – 1991, ở cấp 3 có tổng số 440 giáo viên, trong đó giáo viên tiểu học là 240, 10 giáo viên trung học cơ sở và 40 giáo viên trung học phổ thông. Thực hiện nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về “Định hướng chiến lược phát triển sự nghiệp giáo dục – đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và nhiệm vụ đến năm 2000” nhằm mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa đã tích cực phát triển đội ngũ giáo viên, đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng và quy mô giáo dục.

Năm học 1999 – 2000, số lượng giáo viên toàn Huyện là 1796, trong đó có 610 giáo viên tiểu học, 890 giáo viên trung học cơ sở, 296 giáo viên trung học phổ thông. Tỷ lệ bố trí giáo viên trên lớp trung bình của cả 3 cấp là 1,4 giáo viên trên 1 lớp trong đó thấp nhất là cấp tiểu học 1,03 giáo viên trên 1 lớp [25, tr.8].

Bảng 2.5: Số lượng giáo viên phổ thông từ năm 1990 đến năm 2001.

Năm học	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tổng số
1990 - 1991	310	410	212	932
1991 - 1992	350	425	220	955
1992 - 1993	360	436	250	1046

1993 - 1994	380	489	224	1094
1994 - 1995	390	580	264	1234
1995 - 199	400	600	275	1275
199 - 1997	450	653	280	1383
1997 - 1998	500	655	285	1440
1998 - 1999	540	710	287	1537
1999 – 2000	610	890	296	1796
2000 – 2001	650	681	299	1630

(Nguồn: sở giáo dục Hà Nội, phòng giáo dục đào tạo huyện Ứng Hòa)

Qua bảng trên ta thấy, số lượng giáo viên các cấp không ngừng tăng lên, ở cấp trung học cơ sở, mặc dù số lượng tăng mạnh nhưng vẫn còn thiếu giáo viên đặc thù. Do vậy ngoài lượng giáo viên biên chế hằng năm, các trường vẫn phải hợp đồng với một số giáo viên nhất định, hoặc động viên một số giáo viên của các môn còn thiếu dạy thêm giờ. ở cấp phổ thông trung học, về cơ bản số giáo viên được bố trí đủ cho các lớp, như vậy số giáo viên phổ thông trung học về cơ bản đủ đáp ứng nhu cầu dạy và học của cấp này, quá trình dạy và học được ổn định.

Song song với việc phát triển đội ngũ giáo viên về mặt số lượng thì chất lượng cũng không ngừng được tăng lên. Được sự quan tâm của các cấp Ủy Đảng chính quyền từ các cấp từ huyện đến xã và sự quan tâm của toàn xã hội, đội ngũ giáo viên đã không ngừng rèn luyện phấn đấu phẩm chất chính trị, tư tưởng đạo đức, lối sống, ra sức học tập, để hoàn thành tốt mục tiêu của công cuộc đổi mới giáo dục. Đại bộ phận các nhà giáo có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề nghiệp, có ý thức vươn lên trong nghề, thương xuyên học tập và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, không ngừng nâng cao trình độ.

Phòng giáo dục Ứng Hòa đã đề ra nhiều biện pháp và kế hoạch tập trung chỉ đạo chuyên môn cho giáo viên. Ngay từ những năm học 1991 –

1992, ở cả ba cấp học đã đẩy mạnh việc xây dựng, quản lý số lượng và chất lượng học tập. Những năm tiếp theo, các trường đều xây dựng kế hoạch của hiệu trưởng, của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn...nhằm thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục.

Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa còn tổ chức thực hiện nhiều chương trình thi đua nổi bật là các phong trào thi đua giáo viên dạy giỏi, phổ biến sáng kiến kinh nghiệm chuyên môn, sáng tạo đồ dùng dạy học... điều này đã có tác dụng tích cực, từng bước hình thành mô hình tiên tiến ở các cấp học, ngành học. Phòng giáo dục huyện còn thường xuyên chú trọng đẩy mạnh thi đua “*Hai tốt*” trong mỗi nhà trường: đã xây dựng được kế hoạch và nội dung thi đua, gắn với nội dung thi đua là những nhiệm vụ cụ thể được phòng Giáo dục và Đào tạo phối kết hợp chặt chẽ giữa thi đua chuyên môn và thi đua đoàn thể.

Trong những năm học từ 1997 – 1999 các phong trào thi đua “*Dạy tốt - học tốt*” được tiến hành và từng bước nâng cao phương pháp dạy học cho đội ngũ giáo viên trong toàn huyện. Hầu hết các đơn vị đều có những sáng kiến kinh nghiệm tham gia cuộc thi đua, ngoài ra huyện còn tổ chức các cuộc hội thảo giáo dục, nhằm xây dựng môi trường sáng tạo và đóng góp ý kiến nhằm xây dựng môi trường giáo dục phát triển hơn.

Có thể nói, đội ngũ giáo viên phát triển về mặt số lượng và chất lượng dạy học, có sự cố gắng, chủ động vươn lên trong mọi khó khăn, thử thách của cơ chế thị trường để thực hiện tốt nhiệm vụ, xứng đáng là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Chất lượng giáo viên ngày càng tăng đã góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục của huyện Ứng Hòa phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

- *Đội ngũ quản lý*

Cùng với đội ngũ giáo viên, đội ngũ quản lý giáo dục ở các trường (hiệu trưởng, hiệu phó) và phòng giáo dục trong những năm qua đã không ngừng tăng về số lượng, hiệu quả quản lý ngày một nâng cao.

Trong những năm qua, mặc dù có sự biến động về số lượng trường học, lớp học và học sinh, nhưng đội ngũ cán bộ quản lý các trường luôn đáp ứng đủ nhu cầu và ngày càng tăng, cụ thể như sau:

Bảng 2.6: Số lượng cán bộ quản lý trong các nhà trường phổ thông từ năm 1991 đến năm 2001.

Năm học	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tổng số
1990 - 1991	56	40	11	107
1991 - 1992	56	40	11	107
1992 - 1993	56	42	12	110
1993 - 1994	56	43	12	111
1994 - 1995	58	47	12	117
1995 - 199	58	50	12	120
199 - 1997	62	56	13	131
1997 - 1998	62	60	13	135
1998 - 1999	62	62	13	137
1999 - 2000	63	64	15	142
2000 – 2001	64	64	16	144

(Nguồn: sở giáo dục Hà Nội, phòng giáo dục – đào tạo huyện Ứng Hòa)

Qua bảng trên chúng ta thấy, nhìn chung tổng số cán bộ quản lý của cả ba cấp luôn tăng, đến năm học 1999 – 2001 đã có tổng cộng 144 cán bộ quản lý, tăng gấp đôi so với năm học 1990 – 1991. Ngoài việc số lượng giáo viên tăng lên đòi hỏi đội ngũ quản lý cũng phải được bố trí sao cho phù hợp. Một trường thường có 2 cán bộ quản lý, trong đó có 1 hiệu trưởng và một hiệu phó.

Ngoài nhà trường, số cán bộ quản lý của Phòng giáo dục huyện cũng được sắp xếp đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu của các cấp học, các phòng tổ chức

chuyên môn, lãnh đạo chỉ đạo các nhà trường hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, chuyên môn yêu cầu.

Quán triệt nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII), nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Đảng, thông tư của Chính phủ về cải cách hành chính và chủ trương của bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn của sở Giáo dục – Đào tạo về đổi mới công tác quản lý giáo dục, đặc biệt là chỉ thị 40 của Ban bí thư về nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý giáo dục, trong những năm qua, ngành giáo dục huyện Ứng Hòa đã thường xuyên tăng cường công tác đổi mới quản lý giáo dục, tham mưu với Huyện ủy, Ủy ban nhân dân về việc sắp xếp tổ chức bộ máy biên chế của phòng giáo dục, các trường học trong đơn vị huyện, quy hoạch cán bộ quản lý, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao chất lượng trình độ quản lý giáo dục cho đội ngũ giáo viên.

Trong việc quản lý ngành đặc biệt chú trọng việc hệ thống các văn bản pháp quy của Đảng, Nhà nước, Bộ, Sở giáo dục và đào tạo kịp thời quán triệt và triển khai ở tất cả các trường phổ thông. Yêu cầu các trường phổ thông phải thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng nề nếp làm việc, thực hiện kỉ cương trong công tác. Tính dân chủ công khai được thực hiện trong nhà trường, hiệu quả quản lý trong nhà trường, phòng giáo dục đã tạo nên nề nếp làm việc, kỉ cương trong dạy và học, đẩy mạnh chất lượng ngành giáo dục ngày càng tăng.

Như vậy, từ năm 1991 đến năm 2001, đội ngũ cán bộ quản lý đã thực sự trưởng thành, từng bước thực hiện có hiệu quả công tác quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa.

2.2.6. Công tác xã hội hóa giáo dục

Trong những năm 90 của thập kỷ XX Đảng và Nhà nước ta đã đã xác định “*Giáo dục là quốc sách*”, “*Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển*”. Từ quan điểm trên Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, biện pháp để phát triển giáo dục, một trong những chủ trương ấy đó là đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

Công tác xã hội hóa giáo dục là việc tăng cường tính xã hội của giáo dục, gắn nhà trường với cộng đồng xã hội, để phát huy tối đa vai trò và tạo điều kiện cho giáo dục, khẳng định vai trò thúc đẩy phát triển cộng đồng xã hội, khơi dậy mọi tiềm năng trong xã hội xây dựng và phát triển giáo dục. Thấy rõ tầm quan trọng và tính đúng đắn của chủ trương xã hội hóa giáo dục trong giai đoạn này, các cấp ủy Đảng, chính quyền nhân dân và ngành giáo dục huyện Ứng Hòa đã phối kết hợp và triển khai có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục để phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

Sau Đại hội lần thứ VII (6/1991), quan điểm lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là “là quốc sách hàng đầu”, thì chủ trương về xã hội hóa phù hợp với quy luật phát triển của giáo dục: “Mọi thành viên trong xã hội cùng phải tham gia xây dựng và đều được thụ hưởng giáo dục; làm cho xã hội nhận rõ trách nhiệm đối với giáo dục... nhằm mục tiêu phục vụ đặc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội kết hợp trong nhà trường và ngoài nhà trường” [16, tr.408 – 409].

Việc đầu tiên để thực hiện được công tác xã hội hóa giáo dục đó là tổ chức được Đại hội giáo dục cấp cơ sở. Đảng ta xác định đây là phương pháp tối ưu để thực hiện quá trình công tác xã hội hóa giáo dục.

Nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của công tác xã hội hóa giáo dục, Huyện ủy, ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa đã chỉ đạo các địa phương thực hiện tổ chức Đại hội giáo dục cấp xã, thị trấn. Phòng giáo dục đã đi sâu, đi sát các cơ sở, hướng dẫn và giúp đỡ các địa phương triển khai các hoạt động. Vì vậy việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục đã thu hút mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Đến năm 1995, hầu hết các xã và thị trấn đều tổ chức được Đại hội giáo dục trong đó tiêu biểu có các xã như Phương Tú, thị trấn Vân Đình, Trần Đăng Ninh... đã tổ chức được nhiều lần Đại hội giáo dục.

Thực hiện chương trình Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), nghị quyết 03 của Huyện ủy, đặc biệt là chỉ thị ngày 24/08/1999 của ban chấp hành

Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hội khuyến học Việt Nam, chỉ thị đã đề ra phương hướng của hội khuyến học đó là: *“Tuân thủ các nghị quyết Trung ương về giáo dục, đào tạo con người, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực, nguồn cán bộ cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước... phát triển phong trào khuyến học giáo dục theo phương châm giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội... tăng mối quan hệ phối hợp công tác với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, đặc biệt là với ngành giáo dục – đào tạo...xây dựng quỹ khuyến học, đồng thời quản lý, sử dụng đúng mục đích quỹ này...”* [9, tr.01 – 02].

Từ khi hội khuyến học được thành lập thì các hoạt động khuyến học được phát triển phong phú và đa dạng ở tất cả các địa phương trong huyện. Các cấp chính quyền tăng cường công tác quản lý, điều hành các tổ chức khuyến học tạo điều kiện thuận lợi cho Hội hoạt động, ban hành quy chế huy động sự đóng góp của nhân dân, xây dựng quỹ khuyến học, quy định chế độ khen thưởng, khuyến khích học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó học giỏi...vì vậy các hội khuyến học và chi hội nhanh chóng phát triển thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

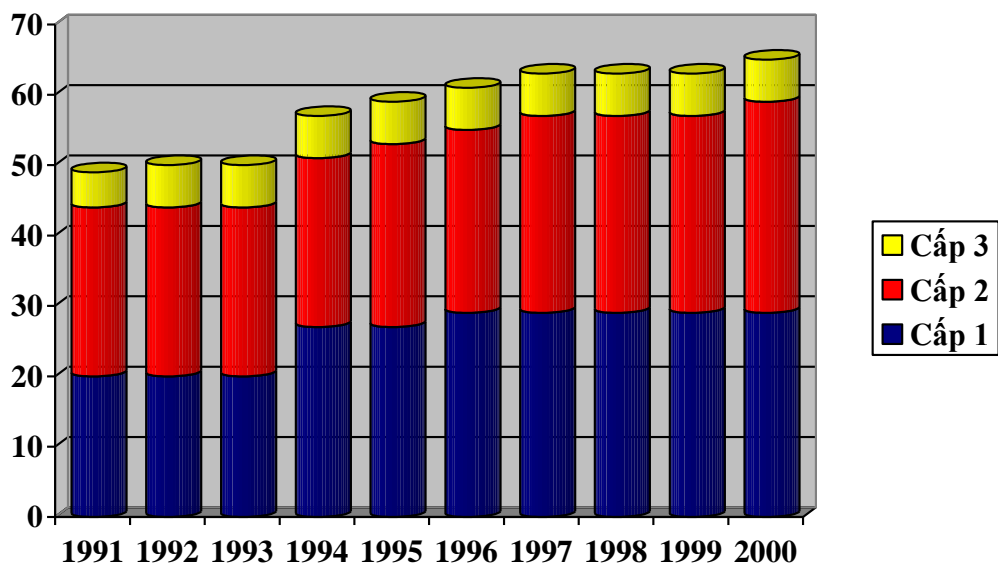
2.3. Một số kết quả đạt được và hạn chế

2.3.1. Thành tựu cơ bản

- *Quy mô giáo dục ngày càng tăng, các mục tiêu xóa nạn mù chữ và công tác xã hội hóa giáo dục phát triển, công tác phổ cập giáo dục được chú trọng.*

Từ năm học 1991 đến năm 2001, hệ thống trường học không ngừng được tăng lên để đáp ứng yêu cầu học tập của con em trong huyện, từ chỗ chỉ có 49 trường năm học 1991 – 1992 đã tăng lên 65 trường học năm học 1999 – 2000. Trong giai đoạn này, giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của nhân dân trong huyện.

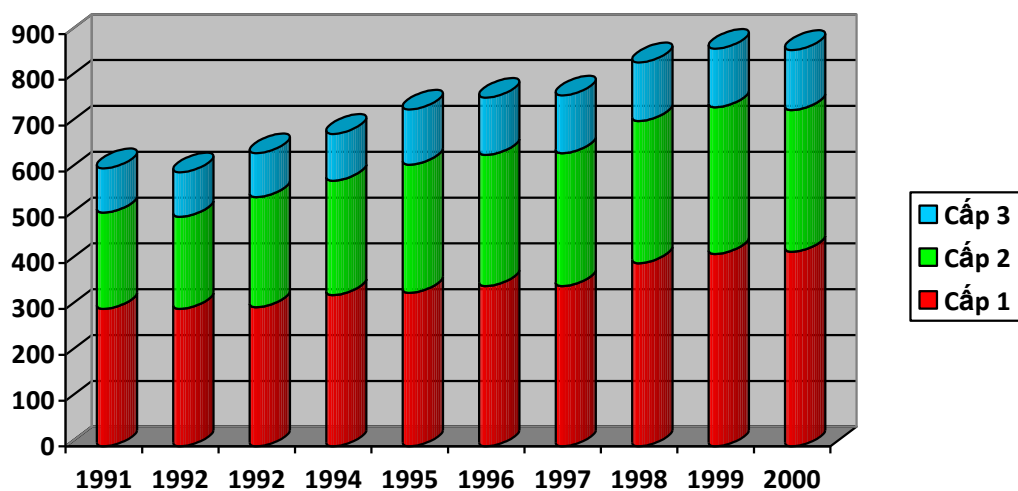
Biểu 2.1: Số trường học từ năm 1991 đến năm 2001



(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Cùng với sự tăng lên về số trường học thì số lượng lớp học cũng tăng lên liên tục và ổn định từ năm 1991 đến năm 2001. Nếu năm học 1991 – 1992 toàn huyện có 607 lớp học thì năm học 1999 – 2001 có lớp 865 học.

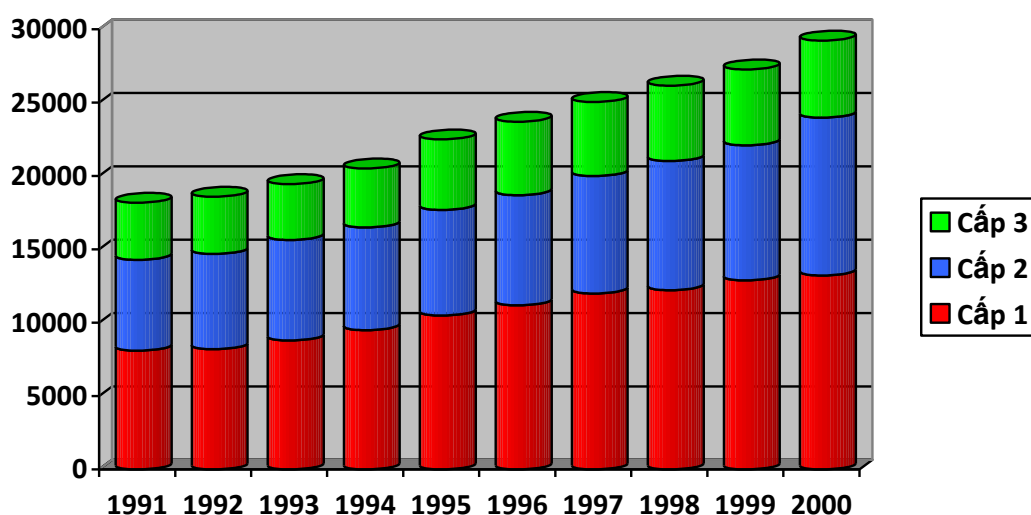
Biểu 2.2: Số lớp học từ năm 1991 đến năm 2001



(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Về số lượng học sinh, năm học 1991 – 1992 có 18180 em, đến năm học 1999 – 2001 có 29230 em, tăng 11050 em. Số lượng học sinh phổ thông từ năm 1991 đến năm 2001 được thể hiện dưới biểu đồ sau:

Biểu 2.3: Số học sinh từ năm 1991 đến năm 2001



(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Số lượng học sinh từ năm học 1991 đến năm 2001 không ngừng tăng lên. Và khá đồng đều giữa các cấp học.

- Cơ sở vật chất trường học ngày càng được phát triển, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý ngày càng lớn mạnh.

Trải qua 10 năm xây dựng và phát triển 1991 đến năm 2001, giáo dục huyện Ứng Hòa từng bước được xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng và các thiết bị, đồ dùng dạy học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục. Tính đến năm 2001, trên địa bàn huyện đã có 70% xã có trường học cao tầng.

Công cuộc đổi mới sự nghiệp giáo dục – đào tạo đòi hỏi đội ngũ nhà giáo phải có chuyên môn, để thực hiện tốt nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới, huyện Ứng Hòa đã tổ chức sắp xếp lại, sàng lọc đội ngũ, xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng trẻ

hóa, đồng bộ và chuẩn hóa, đảm bảo đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chất lượng. Giáo viên đứng lớp cho các ngành học cấp học phát triển theo yêu cầu về số lượng học sinh và số lượng trường học hằng năm, việc tăng số lượng giáo viên đáp ứng yêu cầu của mức độ tăng của số lượng học sinh. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng tăng. Bên cạnh những thành tựu của đội ngũ giáo viên thì chất lượng của cán bộ quản lý giáo dục cũng được tăng lên đáng kể, cán bộ quản lý từ Phòng đến các trường học đã hoàn thành tốt công tác tham mưu cho các cấp Ủy Đảng và chính quyền về kế hoạch phát triển giáo dục phổ thông huyện.

- Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao

Sự phát triển mạnh mẽ về quy mô trường lớp và học sinh càng lớn mạnh của đội ngũ giáo viên tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự nghiệp giáo dục lớn mạnh và phát triển. Trong vòng 10 năm (từ năm 1991 đến năm 2001), chất lượng giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa không ngừng chuyển biến tích cực, điều này thể hiện rõ nhất ở kết quả giáo dục học sinh về hai mặt đạo đức và văn hóa. ở cả ba cấp học đều có sự tiến bộ rõ rệt qua từng năm học. Phẩm chất đạo đức, ý thức và trách nhiệm công dân của học sinh được nâng lên đáng kể. Phần lớn các em đều chăm ngoan, học giỏi có ý thức vươn lên trong học tập, rèn luyện và lao động. Tỷ lệ học sinh có học lực khá, hạnh kiểm tốt ngày càng tăng lên.

2.3.2. Một số hạn chế

Cùng với những kết quả mà giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa đạt được trong giai đoạn 1991 – 2001 thì giáo dục phổ thông huyện nhà vẫn còn tồn tại những hạn chế cơ bản sau:

- Quy mô mạng lưới trường, lớp chưa thật sự cân đối và hợp lý.

Điều này thể hiện ở sự bất cập về số lượng học sinh giữa các xã trong huyện. Một số xã có điều kiện đầu tư cho giáo dục nhưng số học sinh lại ít như Viên An, Viên Nội, trong khi đó, một số xã có vốn đầu tư cho giáo dục còn hạn

ché thì số lượng học sinh cao như xã Phú Trạch, xã Phương Tú, về cơ bản, do số vốn đầu tư còn hạn chế, số lượng học sinh ít, nên việc chỉ đạo các hoạt động giáo dục còn gặp nhiều khó khăn.

- Cơ sở vật chất trường học mặc dù đã được đầu tư xây dựng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu chất lượng dạy và học.

Năm 1991, sau khi tái lập huyện Ứng Hòa, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện có nhiều thiếu thốn, phòng học còn tạm bợ, chủ yếu là tranh, che, lợp, vách đất, trang thiết bị học tập còn sơ sài, phải mất một thời gian dài đến năm 2000 thì địa bàn huyện mới có hệ thống phòng học nhà cao tầng với các trang thiết bị học tập hiện đại hơn. Tuy nhiên, do cơ sở vật chất thiếu thốn trong một thời gian dài đã ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng giáo dục. Nhìn chung cơ sở vật chất hàng năm được đầu tư đáng kể nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cao của giáo dục đang phát triển, nguồn ngân sách chi giáo dục còn hạn chế, nhiều trường vẫn còn tình trạng trường học, phòng học xuống cấp, sân chơi, bãi tập, nhà vệ sinh, hệ thống cấp điện, cấp nước còn nhiều hạn chế, thiếu thốn, mất vệ sinh, nhiều trường chưa có thư viện riêng, ảnh hưởng lớn tới các hoạt động dạy và học cùng các hoạt động vui chơi giải trí, rèn luyện thể chất của các em học sinh.

- Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý chưa đồng bộ, chất lượng quản lý còn thiếu đồng đều

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau và từng thời điểm lịch sử khác nhau nên chất lượng không đồng đều. Một số bộ phận giáo viên nhất là bậc tiểu học và trung học cơ sở vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu mới đặc biệt với việc thay đổi sách giáo khoa, đổi mới phương pháp giáo dục, số giáo viên chưa đạt chuẩn còn chiếm tỉ lệ lớn gây ảnh hưởng trực tiếp tới công tác giảng dạy trên nhà trường, có những giáo viên chưa thực sự rèn luyện cố gắng phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn, một số nhỏ còn vi phạm đạo đức, lối sống làm ảnh hưởng tới môi trường sư phạm, hình

ảnh người thầy. Công tác quản lý giáo dục còn thiếu sự thống nhất và đồng bộ. ở một số trường hiệu quả quản lý còn thấp, không tạo được khả năng vươn lên của giáo viên và học sinh trong trường.

- Công tác xã hội hóa giáo dục và thi đua khen thưởng còn nhiều hạn chế.

Nhiều hội khuyến học được thành lập nhưng chưa phát huy được vai trò nguồn lực xã hội của mình, sự phối hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội còn lỏng lẻo, một số hội đồng giáo dục hoạt động chưa thường xuyên, còn nhiều lúng túng và chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Công tác thi đua khen thưởng trong nhà trường còn “*bệnh thành tích*”, công tác tuyên truyền gương người tốt – việc tốt chưa thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

Tiểu kết

Như vậy có thể thấy, sau 10 năm tái thành lập huyện, thế và lực của Ứng Hòa đã có nhiều thay đổi nhưng hoàn cảnh kinh tế - xã hội của huyện vẫn còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh để lại, bình quân thu nhập đầu người còn thấp nên ngân sách chi tiêu vào giáo dục còn nhiều khó khăn hạn chế mặc dù vậy, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ huyện Ứng Hòa và chính quyền địa phương các cấp thì công tác giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt.

Mạng lưới trường lớp trên địa bàn huyện được bổ sung xây dựng ngày càng nhiều và kiên cố. Trang thiết bị dạy học ngày càng đầy đủ hiện đại hơn, các điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục được đảm bảo và từng bước hoàn thiện. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý không ngừng tăng lên cả về chất lượng cũng như số lượng, chất lượng giáo dục đại trà có chiều hướng ổn định, học sinh đỗ đại học tăng lên rõ rệt.

Các hoạt động dạy học trong nhà trường đi vào nề nếp, phong trào thi đua “*dạy tốt - học tốt*” được đẩy mạnh, công tác xã hội hóa giáo dục đã có những bước phát triển lớn. Phương châm “*gia đình – nhà trường – xã hội*”

nhằm giáo dục đạo đức, xây dựng lối sống văn minh được chú trọng. Phong trào toàn dân chăm lo điều kiện phát triển giáo dục được phát triển rộng khắp.

Mặc dù vậy, một số hạn chế trong giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa trong giai đoạn này (1991 – 2001) vẫn còn nhiều tồn tại, điều này đã kìm hãm phần nào về sự phát triển về chất lượng giáo dục của huyện, vì vậy cần phải nhanh chóng khắc phục tình trạng này, nhằm đưa giáo dục huyện nhà có những bước phát triển hơn nữa trong những giai đoạn tiếp theo.

CHƯƠNG 3

TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2008

3.1. Những định hướng, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương về phát triển giáo dục phổ thông

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (22/4/2001) đã ra nghị quyết chỉ rõ, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, toàn diện, đổi mới nội dung phương pháp dạy và học, hệ thống trường, lớp và hệ thống giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện “*Chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa*” đẩy mạnh phong trào tự học của nhân dân, thực hiện “*giáo dục cho mọi người*”, cả nước trở thành một xã hội học tập...[14, tr.109]. Tăng cường ngân sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo theo nhiều độ phát triển kinh tế - xã hội...thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. Trong khóa IX, Hội nghị Trung ương 6 cũng đã có những quyết định quan trọng về giáo dục và đào tạo tiếp tục duy trì và khơi dậy sự quan tâm của toàn xã hội, của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với giáo dục.

Quán triệt nghị quyết của Đại hội IX, Bộ giáo dục và đào tạo đã xây dựng chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001 – 2010, cụ thể hóa đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp về giáo dục trong giai đoạn này. Nghị quyết yêu cầu “*nền giáo dục của nước ta không những phải mở rộng về quy mô, mà phải đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng toàn diện, chất lượng chính trị, chất lượng đạo đức*”, “*Lấy việc triển khai chương trình chính trị và sách giáo khoa mới làm trục chuyển động và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông*” [10, tr.13].

Từ kỳ họp lần thứ VII, Quốc hội khóa XI, Luật giáo dục lần nữa lại được sửa đổi và thông qua ngày 14/06/2005. Đại hội Đảng lần thứ X (25/4/2006) tiếp tục khẳng định: giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa – hiện

đại hóa đất nước; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện “*Chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa*”, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam; chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập hệ thống thông suốt học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học, xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, tạo khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, đảm bảo sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Như vậy có thể thấy, giai đoạn 2001 – 2008 là giai đoạn phát triển mạnh mẽ của giáo dục và đào tạo nước ta, các mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục trong 8 năm được nêu lên trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước. Đây thực sự là điều quan trọng, mang tính bản lề đánh dấu bước tiến mới của nền giáo dục nước nhà.

Về chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng Bộ tỉnh Hà Tây từ năm 2001 đến năm 2008. Đưa giáo dục vào quy hoạch tổng thể, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Quán triệt chủ trương phát triển giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với đặc điểm tình hình của huyện nông nghiệp mới bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, Đảng bộ đã chỉ đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trong khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần chú trọng đưa nhiệm vụ phát triển giáo dục thành nội dung quan trọng. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng giáo dục cấp huyện, cấp xã, thị trấn đã đề ra chương trình phát triển giáo dục của địa phương khá cụ thể. Huyện cũng từng bước có sự điều chỉnh hợp lý trong việc đầu tư ngân sách cho phát triển giáo dục. Các nguồn kinh phí đóng góp để phát triển giáo dục được quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả. Không chỉ chú trọng đầu tư ngân sách, trong quy hoạch chung về đất đai, xây dựng khu dân cư

mới, huyện và các xã đều quan tâm, dành quỹ đất quy hoạch địa điểm sân chơi, bãi tập cho học sinh theo đúng quy định.

Khi thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường lớp, được sự chỉ đạo của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân huyện ngành giáo dục đã tập trung xem xét, đánh giá nghiêm túc trên cơ sở nhu cầu học tập và điều kiện đóng góp của mỗi địa phương. Vì vậy, trong những năm đầu sau khi thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa, giáo dục ở Ứng Hòa đã có sự đổi mới trên nhiều mặt, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có sự đóng góp không nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao dân trí.

Chỉ đạo phát triển quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục bằng đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục ở các cấp học, bậc học và tăng cường các hoạt động giáo dục toàn diện. Thực hiện chủ trương phát triển mạng lưới trường lớp trên cơ sở đảm bảo chất lượng, đảm bảo các điều kiện dạy và học, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của nhân dân, Đảng bộ đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân thực hiện tách khuôn viên các trường: trường cấp 1, cấp 2 và cấp 3, đi đôi với thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2000. Kết quả, mạng lưới các trường đều được bố trí đều và rộng khắp xã nào cũng có các trường tiểu học, trung học cơ sở. Đến năm học 2000 – 2001, huyện có 65 trường, với 865 lớp, 29230 học sinh [66, tr. 18].

Nhằm đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục, Đảng bộ đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện chủ động bố trí đủ giáo viên, tổ chức tập huấn cho 100% giáo viên dạy nội dung, chương trình sách giáo khoa mới; cung cấp kịp thời thiết bị dạy học và có quy định quản lý nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học; tích cực chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm làm chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành. Việc đổi mới phương pháp dạy học đã phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, giúp giáo viên có sự thay đổi nhận thức trong việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới, các chuyên đề được tổ chức bài bản hơn.

Phòng giáo dục huyện chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo gắn liền với xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý giáo dục. Giáo viên là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng của giáo dục, vì vậy, để đảm bảo chất lượng và hiệu quả giảng dạy, giáo viên phải có đủ đức, đủ tài, có kiến thức và phương pháp giảng dạy tốt, có nhân cách đạo đức, có tình thương yêu học sinh và lòng say mê nghề nghiệp.

Cùng với việc xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý các cấp cũng được chú ý kiện toàn tổ chức, nâng cao nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ hầu hết được lựa chọn, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực tổ chức, quản lý và năng lực chuyên môn. Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn hầu hết cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Quán triệt tinh thần Nghị quyết trung ương 2, Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã chỉ đạo các cấp chính quyền cần đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về giáo dục ở tất cả các cấp học, ngành học. Nhằm đẩy mạnh công tác lãnh đạo trong khối nhà trường, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết ”nâng cao vai trò lãnh đạo của chi bộ khối trường học”, trong đó có nhiều giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo chi bộ, đảng viên trong công tác giảng dạy.

Về công tác tham mưu, ngay trong năm học 2001- 2002, phòng giáo dục và Đào tạo huyện đã tham mưu với huyện ra quyết định thành lập các phòng, ban và tuyển chọn nhân sự, từng bước kiện toàn bộ máy tổ chức. Phòng giáo dục và Đào tạo cũng đã hướng dẫn các trường trực thuộc sắp xếp lại đội ngũ, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý, luân chuyển cán bộ... đảm bảo thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định. Ủy ban nhân dân huyện và Phòng giáo dục và Đào tạo đã có những biện pháp cần thiết để chấn chỉnh việc dạy, học thêm, xử lý nghiêm trường hợp sai phạm, quản lý đội ngũ tham gia giảng dạy và quản lý nội dung chương trình dạy và học thêm. Do

vậy, các trường không có hiện tượng dạy thêm, học thêm tràn lan, phát huy được yếu tố tích cực của việc dạy thêm, học thêm.

Về việc quản lý tài chính, thu, chi chủ yếu là hai khoản học phí và xây dựng được thực hiện theo quy định. Hằng năm, Đảng bộ chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện cùng Phòng giáo dục và Đào tạo tiến hành khảo sát việc thực hiện các khoản thu, chi của các cơ sở giáo dục và đánh giá hiệu quả thực hiện các quy định các khoản đóng góp của học sinh.

Về thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa trong giáo dục và đào tạo, Đảng bộ đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện phối hợp cùng Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện dân chủ, công khai đưa những chủ trương chung của ngành, công việc cụ thể của từng đơn vị quán triệt đến từng cán bộ, giáo dục viên. Phòng Giáo dục và Đào tạo đã có những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện Nghị định của Chính phủ về thực hiện dân chủ ở cơ quan như: mở hội nghị trực tiếp với lãnh đạo các trường, công khai ngân sách giáo dục, công khai chủ trương thi cử và tuyển sinh... Vì vậy, đã tạo được nề nếp sinh hoạt dân chủ, bình đẳng, phát huy trí tuệ tập thể ở nhiều nhà trường.

Tăng cường cơ sở vật chất, thực hiện kiên cố hóa trường, lớp trang thiết bị trường học và xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học là một trong những điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục, bởi vậy, Đảng bộ đã rất chú trọng đến việc thực hiện cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng cơ bản cho các trường học. Việc xây dựng trường học đã được quan tâm theo 5 tiêu chí, bao gồm: khuôn viên, sân chơi, bài tập, phòng học, phòng chức năng, thư viện, các điều kiện vệ sinh và phương tiện, thiết bị dạy học.

Các trường được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được Đảng bộ huyện xác định là khâu quan trọng nhằm chuyển đổi cơ cấu, chất lượng các mặt giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Từ đó,

huyện cũng đã xây dựng cơ chế công nhận trường quốc gia là cơ sở để các trường phấn đấu thực hiện; tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các trường lập kế hoạch đưa thành nhiệm vụ trong chương trình phát triển của trường. Việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cũng trở thành tiêu chí về giáo dục ở nhiều địa phương.

Tiến hành xã hội hóa giáo dục và thực hiện công bằng trong giáo dục. Quán triệt quan điểm chiến lược về xã hội hóa giáo dục của Đảng, công tác xã hội hóa giáo dục đã được Đảng bộ hết sức coi trọng, coi đây là yếu tố quan trọng tạo ra sự phát triển trong ngành giáo dục của huyện. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục, công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng được quan tâm, đặc biệt là công tác khuyến học ngày càng được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Huyện đã tổ chức Quỹ khuyến học hằng năm trao thưởng cho học sinh có thành tích học tập xuất sắc và học sinh nghèo vượt khó. Đến năm 2005, toàn huyện đã có 145 dòng họ xây dựng được quỹ khuyến học với số tiền trên 870 triệu đồng. Ngoài ra nhiều thôn nhiều đơn vị và cá nhân đã tình nguyện tổ chức Quỹ khuyến học và làm công tác khuyến học.

Huyện đã tăng cường việc huy động nguồn vốn đầu tư nhà nước, các tổ chức đoàn thể, cá nhân xây dựng cơ sở vật chất, tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục. Kết quả đạt được từ những giải pháp trên là đại đa số phụ huynh học sinh đã có ý thức ngày càng đầy đủ về trách nhiệm của mình đối với việc học tập của con em, từ đó sẵn sàng đóng góp khoản theo quy định. Đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo gia đình thương bệnh binh, liệt sỹ, huyện đã hỗ trợ các điều kiện học tập như miễn, giảm học phí, tặng sách giáo khoa, trao học bổng cho các em có thành tích học tập và rèn luyện tốt.

3.2. Quá trình phát triển của giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa từ năm 2001 đến năm 2008

Giai đoạn 1991 – 2000, hệ thống trường, lớp và số lượng học sinh của giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa có sự tăng nhanh và liên tục thì từ năm

2001 lại có nhiều biến động. Điều này thể hiện rõ bằng việc giảm số lượng học sinh và lớp học từ 2002 đến 2004.

*Bảng 3.1: Thống kê số lượng trường lớp và số lượng học sinh
từ năm 2001 đến năm 2008*

Năm học	Số trường	Số lớp	Số học sinh
2000 – 2001	66	934	29.680
2001 – 2002	66	956	29358
2002 – 2003	66	950	28809
2003 – 2004	66	960	30020
2004 – 2005	66	994	30730
2005 – 2006	66	971	3170
2006 – 2007	66	1003	31380
2007 - 2008	66	983	31820

(Nguồn: Sở giáo dục Hà Nội, Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Qua bảng số liệu ta thấy, số lượng trường học phổ thông được ổn định, số lượng lớp học có xu hướng tăng nhẹ từ năm 2000 đến năm 2004 sau đó giảm dần đến năm 2007 tăng mạnh lên 1003 lớp sau một năm học lại giảm còn 938 lớp. Số lượng học sinh thì biến động không ổn định, tăng giảm liên tục.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do chính sách dân số của Đảng và Nhà nước dẫn tới tỉ lệ sinh giảm, đa số chỉ dừng lại ở 2 con mỗi gia đình, nên số lượng lớp học và học sinh có nhiều biến động đi theo. Đặc biệt khóa học 2007 - 2008 do thay đổi quy chế tuyển sinh của các cấp học có sự thay đổi, nên số lượng học sinh không đủ tiêu chuẩn tốt nghiệp tăng, trong đó tỉ lệ học sinh lên cấp 3 giảm mạnh. Ngoài ra thực trạng thất nghiệp sau tốt nghiệp các trường Đại Học, Cao Đẳng của các em sinh viên làm cho tinh thần học tập của học sinh bị xuống cấp, với suy nghĩ ra trường cũng thất nghiệp nên tình trạng các em chỉ tốt nghiệp cấp phổ thông cơ sở là nghỉ học đi học nghề vẫn tiếp tục diễn ra.

3.2.1. Tiểu Học

Tiếp tục quan tâm đến chất lượng dạy và học, dành sự quan tâm và ưu tiên đặc biệt trong sự chỉ đạo các hoạt động dạy và học cho học sinh các lớp 1, 2, 3, 4, 5. Tăng cường tiếp cận giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Phổ cập giáo dục đúng lứa tuổi, được Bộ giáo dục và đào tạo công nhận đạt phổ cập giáo dục tiểu học ở mức độ 2. Toàn huyện có 29/30 trường tổ chức cho học sinh học 9 buổi/tuần. 100% các trường các trường đổi mới phương pháp dạy và học, tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Hệ thống sách giáo khoa chuẩn cấp tiểu học bao gồm các môn: Toán, Tiếng Việt, Khoa Học, Lịch Sử và Địa Lý, Âm Nhạc, Mỹ Thuật, Đạo Đức, Kỹ Thuật, Thể Dục, Tiếng Anh.

Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp tiểu học từ năm 2001 đến năm 2008 được thể hiện dưới bảng số liệu sau:

Bảng 3.2: Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp tiểu học từ năm 2001 đến năm 2008 huyện Ứng Hòa.

	Số trường học	Số lớp học	Số học sinh
2001	30	485	13670
2002	30	500	13600
2003	30	498	13650
2004	30	490	13820
2005	30	510	13890
2006	30	516	13560
2007	30	518	13800
2008	30	500	13920

(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Qua bảng số liệu ta thấy quy mô trường học cấp Tiểu Học luôn ổn định là 30 trường, số lượng học sinh có sự tăng giảm không đều và số lượng học sinh có tăng nhẹ. Nguyên nhân là do thứ nhất: Hệ thống trường học được Đảng, Nhà nước và các cấp ủy Đảng quan tâm, đầu tư xây dựng đã đáp ứng nhu cầu học tập của các em học sinh trên địa bàn Huyện. Số lượng học sinh tăng, giảm tuy không đều nhưng với con số tương đối thấp (tăng giảm khoảng trên dưới 50 em) phản ánh tốc độ gia tăng dân số trên địa bàn huyện chưa ổn định, năm sinh siêu, năm tử siêu. Số lượng lớp học tỉ lệ thuận với số lượng học sinh, với trung bình là 28 em/1 lớp học.

3.2.2. Phổ thông cơ sở

Đối với cấp phổ thông cơ sở, huyện Ứng Hòa tiếp tục đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, thực hiện phương pháp dạy học thực hành trong các môn, đảm bảo cân đối việc truyền thụ kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh, tăng cường liên hệ thực tế, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy với nội dung bài học phù hợp.

Hệ thống sách giáo khoa chuẩn của cấp phổ thông cơ sở bao gồm: Ngữ Văn, Toán, Lịch Sử, Địa Lý, Giáo Dục Công Dân, Âm Nhạc, Vật Lý, Sinh Học, Công Nghệ, Tiếng Anh, Thể Dục.

Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông cơ sở từ năm 2001 đến năm 2008 được thể hiện dưới bảng số liệu sau:

Bảng 3.3: Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông cơ sở từ năm 2001 đến năm 2008 huyện Ứng Hòa.

	Số trường học	Số lớp học	Số học sinh
2001	30	306	10650
2002	30	313	10306
2003	30	305	10039
2004	30	310	10300
2005	30	319	1073
2006	30	328	11890
2007	30	310	11080
2008	30	305	10880

(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Qua bảng số liệu ta thấy: Quy mô trường học giữ mức ổn định là 30 trường, số lượng lớp học giữ mức từ 305 đến 328 lớp, và học sinh có xu hướng trũng lại, tăng nhẹ. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do chính sách dân số của Đảng và Nhà nước dẫn tới tỉ lệ sinh giảm, đa số chỉ dừng lại ở 2 con mỗi gia đình, nên số lượng lớp học và học sinh có nhiều biến động đi theo.

2.2.3. Phổ thông trung học

Sở Giáo dục và Đào tạo tích cực chỉ đạo các trường có biện pháp tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo tinh thần chỉ thị số 1890/2008/CT-BGD&ĐT “Mỗi giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thực hiện một đổi mới phương pháp dạy, học và quản lý. Mỗi trường có một kế hoạch cụ thể về đổi mới phương pháp dạy học” [74, tr. 15]. Chỉ đạo mỗi giáo viên, mỗi nhà trường tìm ra một đột phá mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy với nội dung phù hợp, phong trào bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo cho học sinh yếu, kém được duy trì thường xuyên, các trường tổ chức thi học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh và thành phố. Thi giáo viên dạy giỏi. Ngoài ra còn tổ

chức các hoạt động xã hội như: Bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục luật pháp, giáo dục luật an toàn giao thông...

Hệ thống sách giáo khoa chuẩn của cấp phổ thông trung học bao gồm 12 môn cơ bản và một bộ môn nghề phổ thông: Toán, Vật Lý, Hóa Học. Sinh Học, Tin Học, Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa Lý, Ngoại Ngữ, Giáo Dục Công Dân, Công Nghệ, Thể Dục và Nghề phổ thông.

Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông cơ sở từ năm 2001 đến năm 2008 được thể hiện dưới bảng số liệu sau:

Bảng 3.4: Số lượng trường học, lớp học, học sinh cấp phổ thông trung học từ năm 2001 đến năm 2008 huyện Ứng Hòa.

	Số trường học	Số lớp học	Số học sinh
2001	6	134	5360
2002	6	143	5398
2003	6	147	5420
2004	6	160	5920
2005	6	165	6110
2006	6	167	6220
2007	6	165	6500
2008	6	178	7020

(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Qua bảng số liệu ta thấy, số trường học luôn ổn định là 6 trường, số lượng học sinh và lớp học có xu hướng tăng nhẹ trong 8 năm học, trong đó số lớp tăng 44 phòng, số lượng học sinh tăng 1660 em. Từ thực tế trên cho thấy, số lượng học sinh tốt nghiệp cấp trung học cơ sở nghỉ học, không học lên cấp 3 giảm mạnh, chất lượng và số lượng giáo dục đã được nâng cao.

3.2.4. Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.

Năm học 2001 – 2002, với sự tham mưu tích cực của lãnh đạo ngành đã tận dụng các nguồn vốn đầu tư đặc biệt các nguồn vốn phúc lợi xã hội tập trung xây dựng trường học. Phối hợp với công ty sách, thiết bị trường học để cung ứng đầy đủ sách giáo khoa cho học sinh trên địa bàn huyện. Nhiều trường đã

quan tâm tới phong trào xây dựng trường “*xanh, sạch, đẹp*”, xây dựng cảnh quan trường học tạo lên khuôn viên sư phạm phục vụ tích cực cho công tác dạy và học của các em học sinh như các trường: Tiểu học thị trấn Vân Đình, trường chuyên Nguyễn Thượng Hiền, trường trung học phổ thông Ứng Hòa A.

Từ năm 2002 đến năm 2005, ngành giáo dục huyện Ứng Hòa tiếp tục đẩy mạnh công cuộc vận động “*kiên cố hóa trường học*”. Ngoài các nguồn kinh phí giáo dục, các địa bàn huyện còn huy động sức đóng góp của nhân dân nên tốc độ xây dựng trường lớp tăng lên rõ rệt, các trường học ngày càng khang trang hơn.

Năm học 2004 đến năm 2007 thông qua nhiều nguồn kinh phí, ngành đã đầu tư hàng trăm triệu đồng vào công tác sắm các thiết bị dạy học, xây dựng khuôn viên trường khang trang hơn và quy hoạch khu thư viện cho các trường.

Năm học 2007 – 2008, giáo dục huyện Ứng Hòa có những bước phát triển mạnh mẽ nên công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được chú ý, quan tâm đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau: chương trình kiên cố hóa trường học, lớp học, dự án phát triển giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn... ngoài ra nhiều trường còn hoàn thiện được mô hình khuôn viên xanh, sạch đẹp, có thư viện riêng, có sân bóng, bãi tập... như trường tiểu học Phương Tú, trường trung học phổ thông Trần Đăng Ninh... .

Đến năm học 2008, toàn huyện có 75% các trường tiểu học, 95% các trường trung học cơ sở, 100% các trường trung học phổ thông có nhà cao tầng kiên cố, các trường học đều xây dựng phòng học tin học, chuyên môn, thực hành, phòng thí nghiệm. Trang thiết bị học tập được đầu tư theo hướng hiện đại, một số trường đã sử dụng máy chiếu trong công tác giảng dạy... tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học là gần 700 triệu đồng [31, tr7].

3.2.5. *Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý*

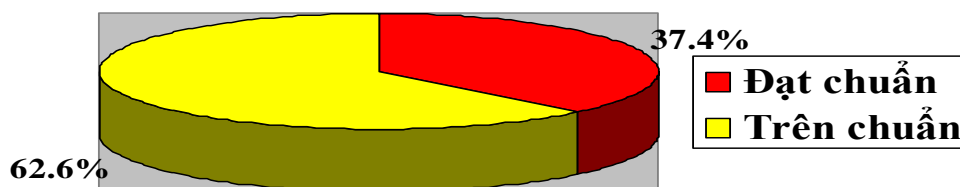
Tăng cường công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, chất lượng cơ sở vật chất, thiết bị, chất lượng môi

trường giáo dục, chất lượng các chính sách giáo dục... Trong đó, yếu tố then chốt, quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo xét cho cùng là đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Vì vậy, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo phải gắn liền với xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phải thường xuyên đổi mới công tác quản lý giáo dục, đó là nhiệm vụ quan trọng và là điều kiện quyết định sự phát triển của giáo dục.

Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động lập kế hoạch thực hiện liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để nâng cao chất lượng giáo viên. Cùng với công tác chuyên môn, Đảng bộ huyện thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, tăng cường công tác phát triển Đảng trong đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, gắn với công việc tổ chức thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua: “mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo”, “học tập và theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”,... Đặc biệt, thực hiện Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg ngày 8/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về “chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục” và hưởng ứng Cuộc vận động “Nói không” với tiêu cực trong thi cử và “*bệnh thành tích trong giáo dục*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sự chỉ đạo của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành chỉ thị về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục. Trên cơ sở đó, Phòng Giáo dục và Đào tạo, đã tổ chức cam kết thực hiện Cuộc vận động “hai không” với 4 nội dung: nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và việc ngồi nhầm lớp.

Điều đáng chú ý về chất lượng giáo viên trong giai đoạn 2001 đến năm 2008 là chất lượng giáo viên ngày càng được nâng cao hơn so với giai đoạn trước. Hiện thị ở trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trình độ giáo viên đạt chuẩn là trên 90%,

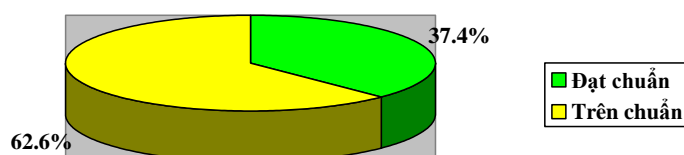
Biểu 3.1: Cơ cấu trình độ giáo viên phổ thông năm học 2007 -2008



(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Ở bậc tiểu học có 540 giáo viên: Trình độ Đại học 172 giáo viên, Cao đẳng 187 giáo viên, Trung cấp 181 giáo viên. Tỷ lệ đạt chuẩn đào tạo là 540/540 chiếm 100%, trong đó chuẩn là 37,4% và trên chuẩn là 62,6%, không có giáo viên trình độ dưới chuẩn đào tạo [75, tr.12].

Biểu 3.2: Cơ cấu trình độ giáo viên ở cấp tiểu học năm học 2007 – 2008

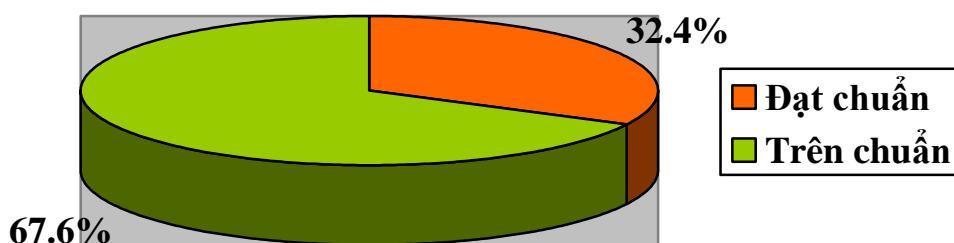


(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Ở bậc Trung học cơ sở có 710 giáo viên, trong đó trình độ thạc sĩ là 4 giáo viên, Đại học là 451 giáo viên, Cao đẳng là 255 giáo viên. Tỷ lệ đạt chuẩn đào tạo là 710/710 giáo viên chiếm tỷ lệ 32,4%, trình độ đạt trên chuẩn chiếm

67,6%, so với tỉ lệ giáo viên toàn tỉnh thì Ứng Hòa chiếm tỉ lệ giáo viên trên chuẩn chiếm tỉ lệ cao trên toàn tỉnh [75, tr.12 – 13].

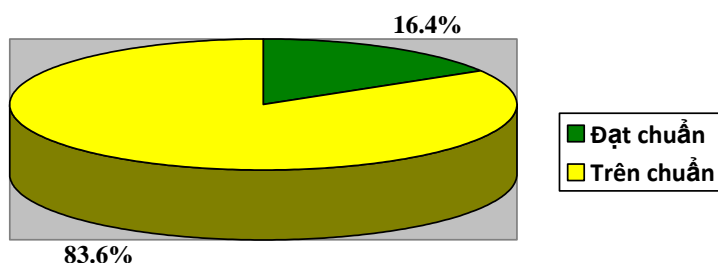
Biểu 3.3: Cơ cấu trình độ giáo viên ở cấp trung học cơ sở năm học 2007 – 2008



(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

Ở cấp Trung học phổ thông, có 287 giáo viên với 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 16,4% đạt chuẩn và 83,6% đạt trên chuẩn.

Biểu 3.4: Cơ cấu trình độ giáo viên ở cấp trung học phổ thông năm học 2007 – 2008.



(Nguồn: sở giáo dục đào tạo Hà Nội, phòng giáo dục huyện Ứng Hòa)

3.2.6. Đổi mới phương pháp dạy học

Năm học 2001 – 2002 là năm học thực hiện chương trình thay sách giáo khoa mới ở hai cấp tiểu học và trung học cơ sở, hoạt động giáo dục của cán bộ giáo viên được tăng lên một bước, đặc biệt là công tác bồi dưỡng giáo viên, nâng cao trình độ đào tạo, thanh tra trường học, đổi mới phương pháp dạy học, chương trình giáo dục toàn diện theo yêu cầu của bộ giáo dục, hầu hết các đơn vị xã đã tổ chức dạy ngoại ngữ.

Năm 2005 – 2008 các trường đã tổ chức hội thảo đánh giá về chương trình và nội dung sách giáo khoa ở tất cả các môn học từ lớp 1 đến lớp 12. Qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, tổ chức, thực hiện chương trình và sách giáo khoa sao cho phù hợp đặc thù từng đơn vị phù hợp với năng lực của các em học sinh.

Các cấp tiểu học đẩy mạnh thực hiện công tác đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá khuyến khích tự học và vận dụng sáng tạo của học sinh. Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của cấp học ngành học các trường tổ chức đa dạng các hình thức sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao nhiệm vụ dạy học cho đội ngũ, thúc đẩy nhanh việc thực hiện đổi mới phương pháp theo tập huấn thay sách ở cấp học. Tập trung và bám sát chuẩn kiến thức của từng bộ môn và từng lớp học, cấp học, bậc học để thực hiện chuẩn các kiến thức quy định. Đối với các lớp, cấp trung học cơ sở đủ điều kiện sớm tổ chức hai buổi học trên ngày, chú trọng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, và phụ đạo cho học sinh yếu kém. Đặc biệt công tác tăng cường phụ đạo học sinh yếu kém, giảm bớt lượng học sinh đứng bên lề bài học. Tiếp tục triển khai cuộc vận động “*làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” theo Chỉ thị số 06 CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị, gắn với đặc thù của ngành thực hiện cuộc vận động “*mỗi Thầy giáo, mỗi Cô giáo là một tấm gương*

đạo đức, tự học và sáng tạo”, thực hiện nghiêm túc quy định về đạo đức ngành giáo dục

Thực hiện cuộc vận động “*hai không*” của ngành giáo dục, tiếp tục khắc phục tình trạng học sinh “*ngồi sai lớp*”. Giảm tỉ lệ học sinh yếu kém, học sinh bỏ học. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp dạy và học. Khuyến khích giáo viên thực hiện soạn giáo án điện tử và tích cực tham gia trao đổi kinh nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Ngoài ra công tác hướng nghiệp dạy nghề cũng được thực hiện ở hai cấp học trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đây là hoạt động nhằm học sinh thực hiện kết hợp việc “*học đi đôi với hành*”. Trên thực tế, công tác hướng nghiệp dạy nghề còn tạo điều kiện cho học sinh số điểm thưởng trong kỳ thi tốt nghiệp sau khi cấp chứng chỉ nghề.

Song song với hoạt động dạy của giáo viên thì việc học của học sinh cũng được đẩy mạnh, đa số học sinh có ý thức tự giác, tự học cao, hoạt động học tập thường xuyên được duy trì và rèn luyện ở các buổi học trên lớp cũng như giờ tự học ở nhà, không khí học tập sôi nổi, đã tạo hứng thú cho các em học sinh học tập. Trong các giờ học, môn học, các em luôn hăng say, xây dựng đơ tay phát biểu bài, các bài tập được giáo viên giao về nhà cũng được các em hoàn thành. Việc học theo nhóm, theo tổ thường xuyên được tổ chức thực hiện.

3.2.7. Chất lượng giáo dục

Các cấp giáo dục, các ban ngành và các trường học đã quan tâm chú ý tìm mọi biện pháp với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thích hợp để chấn chỉnh kỷ cương, nề nếp, kỷ luật đối với học sinh. Thực hiện tốt, lồng ghép các nội dung giáo dục vào các trương trình nội khóa, ngoại khóa gắn với các trương trình thi đua theo chủ đề , chủ điểm của năm học. Thông qua công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đoàn – Đội để thực hiện tốt hơn sự phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội. Mặt khác hằng năm nhà trường đã phối hợp với ngành công an, ban an toàn giao thông...làm tốt công tác tuyên truyền pháp

luật, giáo dục an toàn giao thông, chống tệ nạn ma túy, chống trộm cắp trong trường học.

Với những hoạt động trên đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ, đạt được những kết quả tốt. Đại bộ phận học sinh có kết quả tốt, có ý thức vươn lên, chăm ngoan, có ý thức thực hiện kỷ cương, nề nếp học tập trong trường học. Các hoạt động Đoàn, Đội đã góp phần vào việc vào việc giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, yêu quê hương, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân được nâng lên rõ rệt. Truyền thống “*tôn sư trọng đạo*”, “*kính Thầy mến bạn*” được duy trì và phát huy trong các nhà trường. Một bộ phận nhỏ các em học sinh cá biệt được nhà trường và địa phương và hội cha mẹ các em học sinh nhắc nhở, uốn nắn... ngoài ra các môn học về đạo đức, giáo dục công dân cũng đã góp phần vào việc đào tạo nhân cách học sinh, vì vậy số học sinh có hạnh kiểm yếu, kém giảm mạnh thay vào đó là tỉ lệ hạnh kiểm khá, tốt tăng cao.

3.2.8. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, thực hiện công bằng trong giáo dục xây dựng xã hội học tập

Xã hội hóa giáo dục là một chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, của Nhà nước là động lực phát triển mạnh mẽ, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, cơ sở nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Nghị quyết Trung ương 2 chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo là trách nhiệm của toàn xã hội. Trong điều 12, Luật Giáo dục ban hành năm 2005, quy định về xã hội hóa sự nghiệp giáo dục như sau: phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục mọi tổ chức, gia đình và công dân đều có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh.

Thấm nhuần chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng, từ năm 2005–2008, Đảng bộ huyện Ứng Hòa tích cực chỉ đạo nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Huyện ủy, ủy ban nhân dân huyện đã ban hành những văn bản quy định trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các đoàn thể quần chúng, gia đình và toàn xã hội đối với sự nghiệp giáo dục. Khuyến khích, động viên và tạo điều kiện để huy động mọi nguồn lực như ngân sách, vốn, chương trình, mục tiêu, vốn vay, nhân dân đóng góp,... Chính quyền địa phương đã coi trọng tổ chức Hội khuyến học ở xã, thôn, xóm, dòng họ... nhằm khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trường, lớp học, động viên, giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó, học sinh thuộc diện ưu tiên chính sách, học sinh giỏi và có thành tích cao trong học tập.

Thực hiện chủ trương và kết luận của Huyện ủy, Phòng giáo dục và Đào tạo huyện đã xây dựng một số đề án trình huyện ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân phê duyệt và tổ chức thực hiện nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục: “*đề án hỗ trợ chế độ trợ cấp cho giáo viên tiểu học bán công, trên địa bàn huyện Ứng Hòa*”, “*đề án hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất trường trung học phổ thông và cơ sở trên địa bàn huyện Ứng Hòa giai đoạn 2005 – 2008*”, ... Đảng bộ huyện cũng đã chỉ đạo phòng giáo dục và Đào tạo tiến hành Đại hội giáo dục. Hội đồng giáo dục đã tiếp tục phát huy tốt vai trò chức năng của mình; Hội khuyến học huyện, các thôn, xóm, dòng họ đã đóng vai trò tích cực trong việc động viên học sinh nghèo vượt khó con em gia đình chính sách... Nhờ vậy, công tác xã hội hóa giáo dục của huyện Ứng Hòa được đẩy mạnh, có nhiều tiến bộ rõ rệt.

3.2.9. Công tác xây dựng Đảng, Đoàn thể trong nhà trường

Tổ chức Đảng và Đoàn thể trong nhà trường là lực lượng rất quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp, chỉ đạo thực hiện mục tiêu giáo dục, thực hiện nhiệm vụ cụ thể của nhà trường. Vì mọi chủ trương kế hoạch muốn thực hiện tốt phải thống nhất hành động và phải có sự phối hợp giữa các tổ chức đem lại

hiệu quả cao nhất. Từ năm 2001 công tác xây dựng, tổ chức Đảng và Đoàn thể được chú trọng và đẩy mạnh.

- *Về tổ chức Đảng*

Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong từng trường học là hạt nhân lãnh đạo chỉ đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường. Chi bộ là tổ chức lãnh đạo chính trị, lãnh đạo việc triển khai thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong các trường học. Đảm bảo các hoạt động giáo dục trong nhà trường diễn ra theo đúng mục tiêu giáo dục đào tạo của Đảng và Nhà nước và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Trước năm 2000 thì công tác kết nạp Đảng viên chưa thực sự được chú trọng. 2/3 các trường chưa có chi bộ Đảng độc lập nên các Đảng viên phải sinh hoạt chi bộ theo kiểu lồng ghép, điều đó làm hạn chế khả năng phát huy sáng tạo, chỉ đạo độc lập của các tổ chức Đảng trong các nhà trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của các chi bộ Đảng, từ năm 2001 đến năm 2008, với mục tiêu tăng cường và phát triển đội ngũ Đảng viên trong nhà trường nên số lượng Đảng viên đã tăng lên nhanh chóng. Tính đến năm học 2007 – 2008 tỉ lệ Đảng viên trong đội ngũ giáo viên đạt gần 50% [30, tr.10] , 100% các trường đã có chi bộ đảng hoạt động độc lập, 100% các chi bộ Đảng đạt Chi bộ trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên có đức, có tài phục vụ sự nghiệp giáo dục, đáp ứng được sự kỳ vọng của nhân dân huyện nhà.

Các Chi bộ Đảng đã sớm nắm bắt và đề ra những phương hướng nhiệm vụ gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua gắn sát với tình hình thực tiễn của địa phương, nhà trường trong từng năm học, từng thời kỳ, nhằm khắc phục và đẩy mạnh những ưu khuyết điểm, những hạn chế và tiềm năng của nhà trường phát triển đội ngũ để xây dựng nhà trường trong sạch, vững mạnh. Mặt khác các Chi bộ Đảng luôn coi trọng việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho các cán bộ giáo viên và học sinh với mục tiêu: xây dựng đội

ngũ cán bộ giáo viên có đức, có tài phục vụ sự nghiệp giáo dục, đáp ứng được sự kỳ vọng của nhân dân huyện nhà.

- *Tổ chức công đoàn*

Trong nhà trường, tổ chức công đoàn là nền tảng của công đoàn ngành Giáo dục Đào tạo, là cầu nối giữa cán bộ giáo viên, đoàn viên với các đoàn thể trong trường và ngoài xã hội, với Chi bộ trường và các tổ chức chính trị trong nhà trường, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của đoàn viên. Các tổ chức công đoàn có vai trò quan trọng trong công tác hưởng ứng và triển khai các phong trào thi đua mà ngành, huyện phát động, đồng thời luôn chăm lo cho đội ngũ giáo viên.

Từ năm 2001 đến năm 2008, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của giáo dục huyện nhà, các tổ chức công đoàn cũng ngày càng phát triển, hằng năm hội còn phát động nhiều phong trào thi đua giáo viên dạy giỏi, viết sáng kiến kinh nghiệm, học và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh điển hình là các cuộc thi giáo viên giỏi cấp huyện, tỉnh, thi các cuộc thi văn nghệ, thể dục thể thao... tất cả những việc làm này đã tác động động viên, thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các trường và giáo dục phổ thông Ứng Hòa trong công cuộc đổi mới giáo dục.

- *Tổ chức Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên*

Tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường có vai trò cùng với nhà trường xây dựng các hoạt động, phong trào mà ngành phát động trong mỗi năm học.

Trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2008, các tổ chức Đoàn, Đội ngày càng nổi bật trong công tác giáo dục thanh thiếu niên trong nhà trường, đặc biệt là trong phong trào “*xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”, xây dựng và thực hiện tiêu chí “*Nét đẹp học sinh*”, “*kể chuyện Bác Hồ*”... Ngoài ra phong trào thi đua học tốt, các tổ chức này còn triển khai nhiều phong trào thi đua nhằm giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, an toàn giao thông... cho học sinh.

Song song với các hoạt động trên, các tổ chức Đoàn, Đội nhà trường còn có vai trò quan trọng đó là dìu dắt, giáo dục, giúp đỡ các em học sinh, ngoài ra, các công tác tuyên truyền giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội như: ma túy, AIDS, đánh bạc, hút thuốc trong trường cũng được thực hiện rất tốt, những hoạt động này có tác dụng rất lớn đối với nhận thức của các em, bên cạnh những hoạt động tuyên truyền trên các tổ chức Đoàn, Đội luôn luôn tìm ra những phương thức sinh hoạt mới để thu hút, khuyến khích đoàn viên như tổ chức múa hát tập thể, thi nghi thức, thi nét đẹp đội viên...

Với những hoạt động thiết thực, cụ thể trên, các tổ chức Đoàn, Đội đã góp phần thực hiện tốt phong trào thi đua học tập và rèn luyện. Nhiều đoàn viên, học sinh đã nhận thức đúng đắn, vai trò của mình, của đoàn viên và luôn đi đầu gương mẫu trong công tác. Số học sinh khá giỏi trong đoàn ngũ hàng năm đạt 100% nhiều đoàn viên đạt thành tích học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện. Hoạt động thường xuyên của các phong trào thi đua cũng đã góp phần giáo dục cho học sinh ý thức, trách nhiệm công dân của mình, tăng cường nếp sống văn minh, lành mạnh cho thanh, thiếu niên.

3.3. Một số thành tựu và hạn chế

3.3.1. Thành tựu

Được sự quan tâm chỉ đạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi của lãnh đạo ngành giáo dục và đào tạo, Huyện Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa, sự phối hợp của các cơ quan ban ngành, sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và trên hết là sự nỗ lực phấn đấu của các em học sinh và đội ngũ cán bộ giáo viên với tinh thần đoàn kết, nhất trí, trách nhiệm, luôn sẵn sàng bước qua mọi thử thách. Giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa đã vươn lên nhận được nhiều thành tích đáng quý. Hằng năm, ngành giáo dục toàn huyện luôn đạt 100% các tiêu chí thi đua qui định của Bộ giáo dục và đào tạo. Đến năm học 2007 – 2008 toàn huyện có 20/66 trường đạt trường chuẩn quốc gia.

Phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã lãnh đạo phát triển sự nghiệp giáo dục đạt được nhiều thành tựu, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong nhận thức và hoạch định chủ trương về phát triển giáo dục, Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác giáo dục, đồng thời giáo dục, tuyên truyền tạo ra sự chuyển biến lớn trong nhận thức của nhân dân, nhất là học sinh và phụ huynh học sinh. Đảng bộ huyện đã thực sự coi giáo dục là một nhiệm vụ chính trị cơ bản, quan trọng, vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Từ thực tiễn trên, Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã sớm xác định giáo dục là một trong những công tác trọng tâm, trọng điểm.

Trong chỉ đạo thực hiện, huyện Ứng Hòa đã từng bước xây dựng cơ chế quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện thống nhất từ huyện đến địa bàn xã, thị trấn; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành đoàn thể. Vì vậy, từ năm 2001 – 2008, giáo dục huyện Ứng Hòa đã giành được nhiều thành tích. Trong quá trình lãnh đạo phát triển giáo dục, Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã tập trung giải quyết một số vấn đề chính:

- Một là, mở rộng mạng lưới trường lớp, quy mô giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập của toàn dân.

Mặc dù, điều kiện kinh tế - xã hội của huyện còn khó khăn, song, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo xây dựng mạng lưới trường, lớp, quy mô giáo dục phát triển đồng bộ, rộng khắp theo hướng đa dạng hóa các loại hình trường, lớp, các hình thức học tập ở tất cả các bậc học, cấp học, ngành học cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng và chất lượng ngày càng cao của nhân dân. Huyện đã đạt được các mục tiêu cơ bản của giáo dục về nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

- Hai là, tập trung chỉ đạo đảm bảo chất lượng giáo dục có bước phát triển toàn diện, vững chắc, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý từng bước

nâng cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, công tác quản lý giáo dục có nhiều đổi mới.

Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, Phòng giáo dục và Đào tạo tập trung trí tuệ, nguồn lực nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học. Chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững và nâng cao dần qua từng năm.

Đối với giáo dục phổ thông, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo kiên trì triển khai việc đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các trường đều coi giáo dục, chính trị, tư tưởng, đạo đức cho học sinh, tổ chức tốt các hoạt động Đoàn, Đội, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục kiến thức pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội, từ đó góp phần nâng cao hiểu biết, trình độ văn hóa toàn diện cho học sinh, góp phần nâng cao dân trí.

Về nâng cao dân trí, chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục đại trà đã có chuyển biến tích cực. Huyện đã chú trọng không ngừng nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Về bồi dưỡng nhân tài, số lượng và chất lượng học sinh giỏi cấp thành phố, cấp quốc gia.

Đội ngũ giáo viên cơ bản được bố trí đủ, theo quy định ở các cấp học: 100% giáo viên tiểu học có trình độ chuẩn, trong đó tỉ lệ trên chuẩn là 81%; 100% giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông có trình độ đạt chuẩn, trong đó chuẩn chiếm 65%. Cùng với đó, hàng năm ngành giáo dục đã cử từ 10-15 giáo viên, cán bộ quản lý đi đào tạo sau đại học.

- Ba là, tăng cường cơ sở vật chất trường học, thực hiện kiên cố hóa trường, lớp học, xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học

Với mục tiêu xây dựng trường học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã tích cực chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất

trường học, thực hiện kiên cố hóa trường, lớp, xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học. Đến năm 2008, hầu hết các trường đều ổn định về địa điểm, được cấp đất, giao quyền sử dụng đất. Ứng Hòa đã xóa xong phòng học 2 ca và đảm bảo đủ số phòng học, bàn ghế, trang thiết bị đồ dùng dạy học cho học sinh ở tất cả các bậc học, cấp học. Hầu hết các trường đều có đủ đồ dùng cho học sinh; các trường đạt chuẩn quốc gia có đủ thiết bị phòng học nhạc, họa, đồ dùng dạy, đồ chơi trong lớp và đồ chơi ngoài trời, phục vụ cho việc dạy và học đồng bộ.

- Bốn là, công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, ngày càng có hiệu quả

Với phương châm giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã sớm chủ trương thực hiện xã hội hóa giáo dục vì vậy đã khuyến khích, động viên toàn xã hội tham gia vào công tác giáo dục, làm cho mọi tổ chức, cá nhân đều tham gia đóng góp vào cho sự phát triển của ngành giáo dục cũng như được hưởng thành quả của giáo dục ngày càng cao. Phòng Giáo dục và Đào tạo còn phối hợp với Công an huyện, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, y tế.... tổ chức tốt một số hoạt động nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, đồng thời, tổ chức phát động phong trào xây dựng trường không ma túy, trường không có tệ nạn xã hội.

3.3.2.Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, giáo dục huyện Ứng Hòa vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém cần được nhìn nhận nghiêm túc, khách quan để kịp thời khắc phục, sửa chữa, đó là trong chỉ đạo thực hiện, phát triển giáo dục của huyện còn bộc lộ một số hạn chế sau:

- Quy mô, mạng lưới còn thiếu tính hợp lý, quy hoạch chưa đồng bộ, mặc dù hệ thống trường lớp của huyện đã đáp ứng nhu cầu học tập của toàn dân, song chưa đáp ứng được nhu cầu phân luồng học sinh, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới phổ cập giáo dục.

- Phương pháp giáo dục, phương pháp giảng dạy trong các nhà trường diễn ra còn chậm, hiệu quả giáo dục chưa cao. Chất lượng dạy và học các môn ngoại ngữ, tin học, giáo dục âm nhạc, mỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu, cần tiếp tục đổi mới và chú trọng hơn nữa việc giảng dạy bộ môn đạo đức, giáo dục công dân trong các nhà trường.

- Chất lượng giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của huyện còn sự chênh lệch giữa các bậc học, cấp học, các địa phương. Hệ thống cơ sở giáo dục đào tạo chất lượng cao chưa phát triển mạnh, chưa tạo thành mô hình chất lượng giáo dục toàn diện để nhân rộng. Năng lực thực hành, thực tiễn, kỹ năng sống lý tưởng sống của một bộ phận học sinh còn hạn chế. Việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tổ chức các sân chơi mạng tính trí tuệ chưa thực sự được quan tâm, ảnh hưởng ko nhỏ tới rèn luyện và phát triển năng lực trí tuệ của học sinh. Kết quả đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi có nhiều tiến bộ, số lượng và chất lượng học sinh giỏi đều tăng nhưng chưa ổn định.

- Đội ngũ giáo viên ở một số trường tiểu học chưa được bố trí, sắp xếp đồng bộ. Cán bộ thư viện, giáo viên thực nghiệm, thực hành còn thiếu, chuyên môn còn hạn chế, hoạt động chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nên chất lượng và hiệu quả công việc chưa cao. Một bộ phận giáo viên, cán bộ quản lý hạn chế về năng lực, thiếu tinh thần sáng tạo. Công tác quản lý giáo dục có nơi hiệu quả thấp, nhất là công tác tham mưu, đề xuất còn hạn chế. Một số cán bộ quản lý còn yếu về trình độ và năng lực tổ chức thực hiện. Một số nhà trường chưa thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch và quy hoạch phát triển.

- Cơ sở vật chất trường học chưa đáp ứng đầy đủ cho các hoạt động giáo dục toàn diện, đặc biệt ở bậc tiểu học. Nhiều đơn vị trường học có khuôn viên hẹp không đầy đủ diện tích đất theo quy định của huyện, nhiều trường không có khuôn viên cho giáo dục thể chất. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục được chuẩn hóa cần được kiên trì nâng lên.

- Hiện nay, Ứng Hòa là huyện còn nhiều khó khăn, nhất là các xã Viên An, xã Trung Tú, xã Trầm Lộng..., nhiều khu vực còn có tình trạng các em bỏ học giữa chừng điều này ảnh hưởng lớn tới nhận thức và trình độ văn hóa của các em học sinh không được đảm bảo. Nguyên vọng của người dân nơi đây là mong các cấp chính quyền và ngành giáo dục phối hợp với gia đình, địa phương tuyên truyền, giáo dục cho các em nhận thức đúng đắn về sự cần thiết phổ cập giáo dục phổ thông. Không diễn ra tình trạng bỏ học giữa chừng.

Tình trạng người dân còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, đây cũng là một trong những nguyên nhân gây lên tình trạng bỏ học của các em học sinh.

- Về thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục. Một số bộ phận giáo viên còn hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chậm đổi mới về phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu dẫn tới chất lượng dạy và học chưa cao chưa đạt kết quả như mong muốn.

Cơ chế chính sách khuyến khích, huy động các nguồn lực từ nhà nước, cộng đồng và các cá nhân, tổ chức đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cơ sở vật chất trường học xây dựng trường chuẩn quốc gia còn một số bất cập.

Tiểu kết

Ứng Hòa là huyện có truyền thống văn hóa lâu đời, có tinh thần hiếu học, có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tương đối thuận lợi cho sự phát triển của giáo dục. Tuy nhiên, thực trạng giáo dục huyện Ứng Hòa trước còn nhiều hạn chế bất cập, chưa tương xứng với tiềm năng địa phương. Vì vậy, từ sau năm 1991 khi tái thành lập tỉnh, Đảng bộ Huyện Ứng Hòa đã tập trung quán triệt sâu sắc đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về giáo dục, luôn xác định đó là những căn cứ khoa học, định hướng quan trọng để vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của huyện.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời, linh hoạt, sáng tạo của Đảng bộ huyện Ứng Hòa, sự nghiệp giáo dục của huyện đã có nhiều chuyển

biến tích cực và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác lãnh đạo phát triển giáo dục của Đảng bộ huyện Ứng Hòa vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, chưa phát huy được tối đa thế mạnh, tiềm năng của huyện. Đánh giá khách quan những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân từ quá trình Đảng bộ huyện Ứng Hòa lãnh đạo phát triển giáo dục, từ đó rút ra các kinh nghiệm chủ yếu, góp phần thúc đẩy giáo dục và đào tạo phát triển hơn trong giai đoạn hiện tại, trong giai đoạn tiếp theo và trong những năm tới, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa của huyện, của đất nước.

KẾT LUẬN

Ứng Hòa là một huyện nằm ở cực nam của tỉnh Hà Đông trước đây, sau là tỉnh Hà Tây và nay là thành phố Hà Nội. Huyện lỵ Ứng Hòa đặt tại thị trấn Vân Đình, cách trung tâm Hà Nội 40 km, ngày 12 tháng 8 năm 1991, kỳ họp thứ chín Quốc hội khóa 8 thông qua Nghị quyết chia tỉnh Hà Sơn Bình thành hai tỉnh Hòa Bình và Hà Tây, theo đó, huyện Ứng Hòa thuộc tỉnh Hà Tây.

Ứng Hòa là miền đất của các di tích lịch sử - văn hóa. Vốn là huyện gần trung tâm văn hóa lớn Hà Nội nên đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân vô cùng phong phú, đa dạng nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp còn được lưu truyền và bảo tồn đến ngày nay đặc biệt là truyền thống hiếu học. Trong những năm đổi mới giai đoạn 1991 – 2008 giáo dục của huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây đã có nhiều thay đổi, nhất là giáo dục phổ thông.

Giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa từ năm 1991 đến năm 2008 có một số đặc điểm : Trong giai đoạn đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước giáo dục huyện Ứng Hòa còn gặp nhiều khó khăn, có nhiều bước thăng trầm. Sau mười năm tái thành lập tỉnh (1991 – 2001) dưới sự lãnh đạo của Đảng Bộ huyện Ứng Hòa, giáo dục phổ thông huyện có nhiều chuyển biến rõ rệt. Học sinh vừa tham gia học tập vừa tham gia lao động sản xuất (đặc biệt đối với những làng có nghề truyền thống như nghề mây che đan làng Động Phí...). Cùng với sự chuyển biến về kinh tế - xã hội, giáo dục ngày càng phát triển, phong trào thi đua học tập cũng như công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng giữ vị trí quan trọng. Học sinh nữ chiếm tỉ lệ cao trong tổng số học sinh toàn Huyện.

Qua quá trình thể hiện đề tài, tác giả đã làm rõ quá trình Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chủ chương của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục của huyện từ 1991-2008. Trên cơ sở nhận thức về vai trò giáo dục và đào tạo, Đảng bộ huyện

Ứng Hòa đã sớm xác định lãnh đạo phát triển giáo dục là công tác trọng tâm, trọng điểm, vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài.

Trong quá trình triển khai chủ trương phát triển giáo dục, Đảng bộ huyện Ứng Hòa đã có sự chỉ đạo chặt chẽ nhằm tạo sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể. Trong đó, huyện ủy cùng ủy ban nhân dân huyện đã từng bước xây dựng cơ chế quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện thống nhất từ huyện đến các địa bàn xã, thị trấn. Huyện ủy cùng các ban, ngành, đoàn thể đã tạo điều kiện cho học sinh học tập tốt hơn bằng việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học, chú trọng giáo dục toàn diện, tạo môi trường giáo dục lành mạnh, xây dựng xã hội học tập...

Thực tiễn phát triển giáo dục của Đảng bộ huyện Ứng Hòa qua 18 năm (1991-2008), tác giả luận văn rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau :

- Một là: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với sự nghiệp giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng.

- Hai là: Địa phương vận dụng sáng tạo đường lối giáo dục của Đảng, nhà nước về phát triển giáo dục, công tác giáo dục thu được kết quả tốt.

- Ba là: Một trong những thành công của giáo dục huyện nhà trong giai đoạn 1991 – 2008 là địa phương đã biết đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp các ngành, của các tổ chức chính trị - xã hội cho phát triển giáo dục.

Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế còn tồn tại cùng với một số kinh nghiệm đã rút ra, Đảng bộ huyện Ứng Hòa có nền tảng, có sở vững chắc để tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh phát triển giáo dục của huyện đạt hiệu quả cao hơn trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới.

Trong quá trình phát triển giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa vẫn còn bộc lộ những khó khăn và hạn chế như cơ sở vật chất vẫn còn nghèo nàn, thiếu thốn trong một thời gian khá dài, đội ngũ giáo viên trong giai đoạn đầu còn thiếu, còn yếu...Tuy nhiên, đánh giá một cách tổng quát thì trong 18 năm, từ

năm 1991 đến năm 2008, sự nghiệp giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa đã tạo ra bước tiến tương đối ổn định. Trong thời gian này đã đào tạo ra biết bao nhiêu lớp học sinh có tài, có đức phụng sự cho quê hương, cho đất nước, hàng vạn học sinh đã tỏa đi khắp mọi miền tổ quốc, đảm đương, gánh vác nhiều trọng trách quan trọng ở các cấp, các ngành, lĩnh vực từ trung ương, đến địa phương, trong số họ có không ít người trở thành cán bộ khoa học, bác sĩ, nhà giáo, nhà văn, nghệ sĩ.

Từ ngày 1 tháng 8 năm 2008, toàn bộ tỉnh Hà Tây được sáp nhập vào Hà Nội theo Nghị quyết của kỳ họp thứ ba Quốc hội khóa 12 ngày 29 tháng 5 năm 2008. Theo đó, huyện Ứng Hòa thuộc Hà Nội. Mở ra một thời kỳ phát triển mới về kinh tế - xã hội cũng như giáo dục của huyện Ứng Hòa.

Từ năm 2008 tỉnh Hà Tây sáp nhập vào thủ đô Hà Nội, thời kì hội nhập mạnh mẽ thì giáo dục Ứng Hòa cần phải phát huy hơn nữa truyền thống hiếu học, phát huy được những mặt mạnh, lợi thế của mình đồng thời phải hạn chế những bất cập, thiếu sót để đưa giáo dục huyện nhà ngày càng phát triển. Bên cạnh đó giáo dục phổ thông huyện Ứng Hòa cần có những chính sách thu hút nhân tài để khuyến khích những học sinh giỏi, giáo viên giỏi, góp phần vào sự nghiệp giáo dục của huyện Ứng Hòa.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Ban khoa giáo Trung ương (2002), *Giáo dục đào tạo trong thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai – vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1995), *Năm mươi năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 - 1995)*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và đào tạo (2005), *Giáo dục Việt Nam 1945 - 2005, tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị, *Chỉ thị 50 – CT/WC (24/8/1999), Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội khuyến học Việt Nam*.
10. Bộ giáo dục và đào tạo (1995), *Năm mươi năm sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 – 1995)* NXB giáo dục, Hà Nội.
11. Cao Xuân Dục (2001), *Quốc triều hương khoa lục*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Nguyễn Hữu Dũng (1998), *Một số vấn đề giáo dục trung học phổ thông*, NXB Giáo dục Hà Nội.
13. Đảng cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 51 (1991)*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Phạm Văn Đồng (1986), *Mấy vấn đề về văn hóa giáo dục*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
19. Phạm Minh Hạc (2003), *Về giáo dục*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Phạm Minh Hạc (1992), *Sơ thảo giáo dục Việt Nam (1945-1992)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Phạm Minh Hạc (1996), *Mười năm đổi mới giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
22. Phạm Minh Hạc (1996), *Phát triển giáo dục phát triển con người phục vụ phát triển xã hội - kinh tế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Phạm Minh Hạc (1998), *Văn hoá và giáo dục, giáo dục và văn hoá*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
24. Phạm Minh Hạc, *Giáo dục Việt Nam ngưỡng cửa của thế kỷ 21*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2002.
25. Nguyễn Văn Huyền Toàn tập (2005), *Văn hoá và giáo dục Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

26. Hội khoa học kinh tế Việt Nam – Trung tâm thông tin và tư vấn phát triển (2005) *Giao dục Việt Nam 1945 – 2005*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Hội khuyến học Ứng Hòa, *Báo cáo của Ban chấp hành Hội khuyến học Ứng Hòa khóa I, Trình Đại hội đại biểu laand thứ II nhiệm kỳ 2005 – 2006*.
28. Huyện ủy huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chỉ thị số 50 – CTTW của bộ chính trị khóa VIII về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hội khuyến học Việt Nam”*.
29. Huyện ủy huyện Ứng Hòa, *Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001- 2005*.
30. Huyện ủy huyện Ứng Hòa, *Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2007- 2010*.
31. Huyện ủy huyện Ứng Hòa (1995) , *Lịch sử Đảng bộ huyện Ứng Hòa, tập 1*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Huyện ủy huyện Ứng Hòa (2005) , *Lịch sử Đảng bộ huyện Ứng Hòa, tập 2*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Huyện ủy huyện Ứng Hòa (2010) , *Lịch sử Đảng bộ huyện Ứng Hòa, tập 3*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Huyện ủy Ứng Hòa (2005), “*Địa trí giáo dục huyện Ứng Hòa*” , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Nguyễn Quang Kính(2005), “*Giáo dục Việt Nam (1945 – 2005)*”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 1991 – 1992 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 1992 – 1993*.
17. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 1992 – 1993 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 1993 – 1994*.
18. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 1993 – 1994 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 1994 – 1995*.

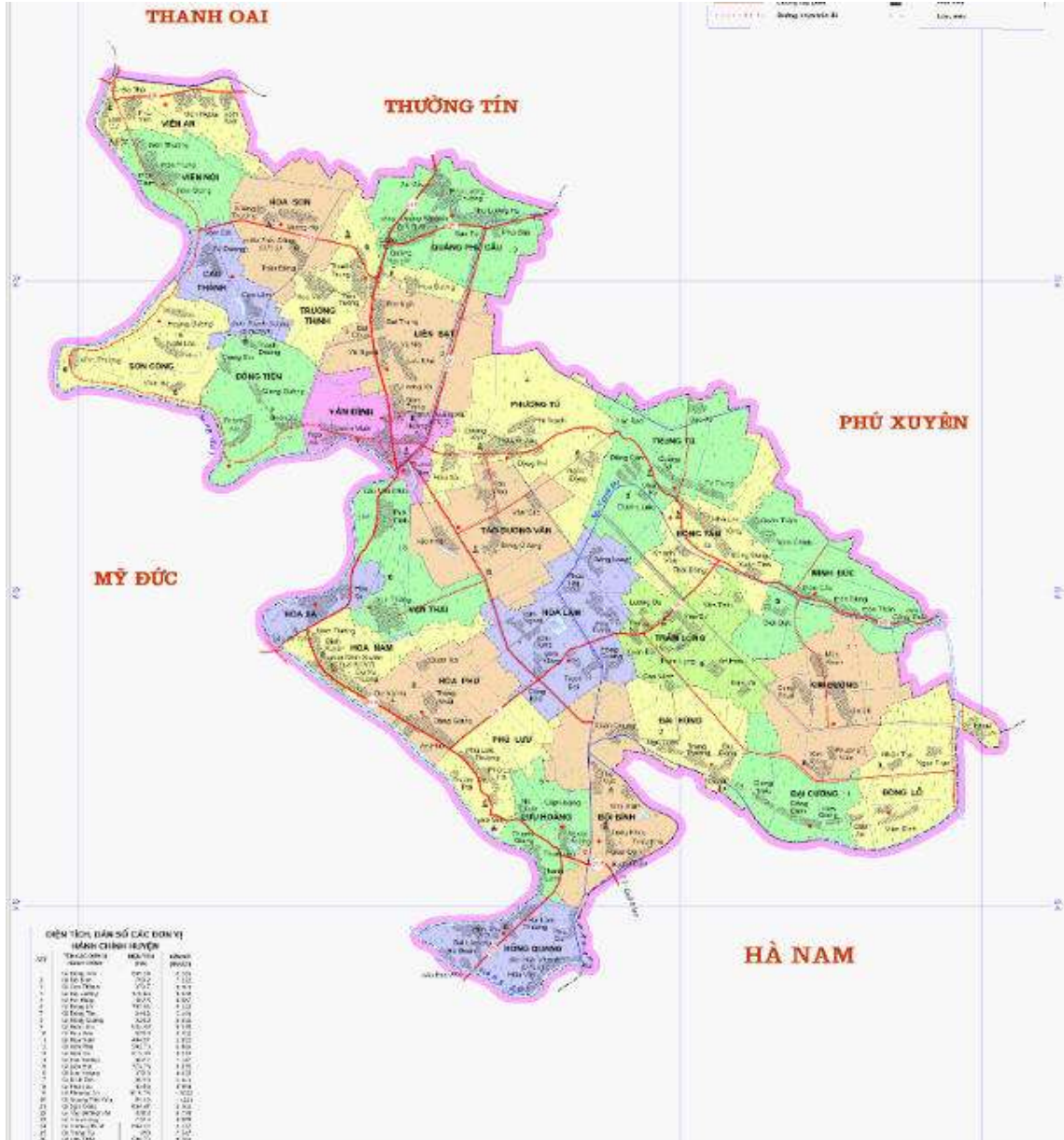
19. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 1995 – 1996 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 1996 – 1997.*
20. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 1996 – 1997 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 1997 – 1998.*
21. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 1997 – 1998 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 1998 – 1999.*
22. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 1998 – 1999 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 1999 – 2000.*
23. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 1999 – 2000 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2000 – 2001.*
24. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2000 – 2001 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2001 – 2002.*
25. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2001 – 2002 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2002 – 2003.*
27. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2002 – 2003 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2003 – 2004.*
28. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2003 – 2004 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2004 – 2005.*
29. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2004 – 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2005 – 2006.*
30. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2005 – 2006 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2006 – 2007.*
31. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2006 – 2007 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2007 – 2008.*
32. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2007 – 2008 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2008 – 2009.*
33. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2008 – 2009 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2009 – 2010.*

34. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2009 – 2010 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2010 – 2011.*
35. Phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, *Báo cáo tổng kết năm học 2010 – 2011 và phương hướng nhiệm vụ năm học học 2011 – 2012.*
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 51 (1991).* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI.* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Phạm Văn Đồng (1986), *Mấy vấn đề về văn hóa giáo dục.* Nxb Sự thật, Hà Nội.
39. Trần Hồng Quân (1995), *Năm mươi năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945-1995),* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
40. Phạm Thị Sửu (2006), *Sáu mươi năm giáo dục mầm non Việt Nam,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
41. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1990 – 1991 và phương hướng nhiệm vụ năm học 1991 – 1992.*
42. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1991– 1992 và phương hướng nhiệm vụ năm học 1992 – 1993.*
43. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1992 – 1993 và phương hướng nhiệm vụ năm học 1993 – 1994.*
44. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1993 – 1994 và phương hướng nhiệm vụ năm học 1994 – 1995.*
45. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1994 – 1995 và phương hướng nhiệm vụ năm học 1995 – 1996.*
46. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1996 – 1997 và phương hướng nhiệm vụ năm học 1997 – 1998.*
47. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1997 – 1998 và phương hướng nhiệm vụ năm học 1998 – 1999.*

48. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1998 – 1999 và phương hướng nhiệm vụ năm học 1999 – 2000.*
49. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 1999 – 2000 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2000 – 2001.*
50. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2000 – 2001 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2001 – 2002.*
51. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2001 – 2002 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2002 – 2003.*
52. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2002 – 2003 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2003 – 2004.*
53. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2003 – 2004 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2004 – 2005.*
54. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2004 – 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2005 – 2006.*
55. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2005 – 2006 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2006 – 2007.*
56. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2006 – 2007 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2007 – 2008.*
57. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2007 – 2008 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2008 – 2009.*
58. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2008 – 2009 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2009 – 2010.*
59. Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội, *Báo cáo tổng kết năm học 2009 – 2010 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2010 – 2011.*
60. Trần Quốc Toàn (Chủ biên) (2012), *Phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
61. Trường Tung học phổ thông Ứng Hòa (2015), *50 năm trung học phổ thông Ứng Hòa – một thời để nhớ.*

62. Tổng cục thống kê (1998), *Niên giám thống kê 1997*, NXB Thống kê, Hà Nội.
63. Tổng cục thống kê (1999), *Niên giám thống kê 1998*, NXB Thống kê, Hà Nội.
64. Tổng cục thống kê (2000), *Niên giám thống kê 1999*, NXB Thống kê, Hà Nội.
65. Tổng cục thống kê (2001), *Niên giám thống kê 2000*, NXB Thống kê, Hà Nội.
66. Tổng cục thống kê (2002), *Niên giám thống kê 2001*, NXB Thống kê, Hà Nội.
67. Tổng cục thống kê (2003), *Niên giám thống kê 2002*, NXB Thống kê, Hà Nội.
68. Tổng cục thống kê (2004), *Niên giám thống kê 2003*, NXB Thống kê, Hà Nội.
69. Tổng cục thống kê (2005), *Niên giám thống kê 2004*, NXB Thống kê, Hà Nội.
70. Tổng cục thống kê (2006), *Niên giám thống kê 2005*, NXB Thống kê, Hà Nội.
71. Tổng cục thống kê (2007), *Niên giám thống kê 2006*, NXB Thống kê, Hà Nội.
72. Tổng cục thống kê (2008), *Niên giám thống kê 2007*, NXB Thống kê, Hà Nội.
73. Tổng cục thống kê (2009), *Niên giám thống kê 2008*, NXB Thống kê, Hà Nội.

PHỤ LỤC
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA
TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2008



Hình 1: Bản đồ hành chính huyện Ứng Hòa (tỉ lệ 1: 200.000)



*Hình 2: Lễ khai giảng năm học trường trung học phổ thông Ứng Hòa B
khóa học 2007 - 2008*



Hình 3: Cán bộ phòng giáo dục – đào tạo huyện Ứng Hòa năm 2002



*Hình 4: Lễ chào cờ đầu tuần trường phổ thông Ứng Hòa A thứ 2 ngày
10/10/2005*



Hình 5: Thanh niên tình nguyện phòng giáo dục huyện Ứng Hòa, khai hội tháng thanh niên tháng 3 năm 2007